HÀ HUY THÁI

CHUẨN MỰC HÓA VÀ CÔNG THỨC HÓA CẤU TRÚC CÂU VĂN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

HÀ HUY THÁI

CHUẨN MỰC HOÁ VÀ CÔNG THỨC HOÁ CẤU TRÚC CÂU VĂN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
Hà Nội - 2001

NGÔN NGỮ, VĂN HOÁ, DÂN TỘC

(Thay lời giới thiệu)

Ngôn ngữ là một yếu tố cơ bản của văn hoá một dân tộc, có thể nói là nhân tố quan trọng bậc nhất. Như văn hoá, ngôn ngữ không phải tự nhiên mà có. Đó là "sáng tạo văn hoá" kỳ diệu nhất của những tập thể người, trong quá trình lao động tách mình ra khỏi tự nhiên để trở thành con người xã hội.

Ý thức, tư duy của con người hình thành và phát triển gắn chặt với ngôn ngữ, đó là hai người bạn đồng hành quấn quít nhau, làm thành cái cốt lõi của một nền văn hóa.

Ngay Các Mác và Ph.Engghen đã chỉ rõ mối liên hệ hữu cơ đó : "Tiếng nói là hiện thực tồn tại trực tiếp của ý nghĩ..." ; "... Cả ý nghĩ, cả tiếng nói... chỉ là sự biểu hiện của cuộc sống hiện thực" [1]. Và V.I. Lê nin cũng đã nói một cách cô đọng trong *Bút ký triết học* : "Bất kỳ lời nói

[1] C.Mác và Ph.Enghen-Hệ tư tưởng Đức-Toàn tập, tập 3, trang 448. 449 (Nga).

nào (ngôn ngữ) cũng là sự tổng quát hoá [1], (có nghĩa là có mang tính khái niệm của nhận thức, tư duy).

Người ta chỉ có thể tư duy qua ngôn ngữ ; không có tư duy, ý nghĩ trần trụi, tuyệt đối trừu tượng cho nên nó phải luôn kèm theo một hình thức ngôn ngữ, dù cho cái hình thức đó cũng có thể rất trừu tượng. Ngay trong ngôn ngữ bên trong, tự nói với mình, không dùng để liên hệ với người khác, vẫn phải sử dụng các khái niệm và phục tùng các quy tắc văn phạm, ngôn ngữ.

Như vậy, không có một ngôn ngữ nào chỉ thuần là một ý thức ngoại sinh. Một tín hiệu ngôn ngữ không phải chỉ là tiếng tịch tè của cái máy manip, mà là một tín hiệu sống, gắn với tư tưởng và cuộc sống con người.

Do đó, ngôn ngữ của mỗi dân tộc đều mang nặng quá trình tư duy, nhận thức của cộng đồng, những dấu ấn các trình tự tư duy, nhận thức của cộng đồng, những dấu ấn các đặc điểm văn hoá xã hội của dân tộc, phản ánh một quá trình lịch sử lâu dài.

Về mối tương quan giữa văn hoá và ngôn ngữ, ta có thể nhắc thêm ý kiến của nhà dân tộc học Levi Strauss. Straus đã nói : ngôn ngữ vừa là sản phẩm của văn hoá, vừa là bộ phận của văn hoá. Trước hết, về mặt lịch sử, "chính nhờ vào phương tiện của ngôn ngữ mà con người thu nhận văn hoá của cộng đồng...

---

[1] V. I. Lênin- *Bút ký triết học*-Toàn tập-tập 38, trang 449 (Nga).

Còn về phương diện lý thuyết, ngôn ngữ là một điều kiện của văn hóa, bởi lẽ văn hoá có một kiến trúc tương tự như kiến thức của của ngôn ngữ. Cả hai cái được biểu đạt nhờ vào những đối lập và tương liên, nói cách khác là nhờ vào những quan hệ lôgich. Đến nỗi mà người ta có thể nói ngôn ngữ như là một cái nền móng có chức năng đón nhận một cấu trúc ngôn ngữ, nhưng cấu trúc đó tương ứng với văn hoá, được xem xét dưới tất cả các mặt" [1].

Về ngôn ngữ và bản sắc dân tộc, một nhà văn đã phát biểu rất tình cảm như sau :

"Là thành tựu của một dân tộc, ngôn ngữ vừa được truyền thụ, phát triển và hoàn thiện từ thế hệ này sang thế hệ khác, vừa là phương tiện tích luỹ và giữ gìn những kiến thức mà dân tộc đó đạt được, vừa mang trên nó dấu vết của cuộc sống dân tộc đó và lịch sử của nó. Trong tiếng nói bao hàm cả dân tộc và đất nước của họ... Tiếng nói là mối liên hệ sinh động, bền bỉ và phong phú nhất, nối liền các thế hệ đã sống, đang sống và sẽ sống của một dân tộc thành một chuỗi lịch sử vĩ đại. Khi tiếng nói của dân tộc biến mất thì dân tộc ấy không còn nữa" [2].

---

[1] Levi Strauss. Trích dẫn của Paul-Mare Hery, trong "La dimension culturelle du développement"-UNESCO-1985 trang 63.

[2] K.Đ.Usinkin-tuyển tập tác phẩm, tập 2. Mătkơva, Nxb Viện hàn lâm khoa học CHLB Nga-1918trang 557. (Trích theo tâm lý học của P.A. Rudich).

Do vậy, việc đi sâu nghiên cứu tìm hiểu mọi mặt của một ngôn ngữ, không chỉ là nắm được quy luật về ngôn ngữ học, về các mặt từ vị ngữ âm, ngữ pháp, cú pháp, v.v... mà chính thông qua các quy luật và cấu trúc thuần tuý ngôn ngữ đó, soi rọi vào cấu trúc tư duy dân tộc, giúp cho sự hiểu biết sâu hơn về mặt tinh thần, bản sắc văn hoá và các đặc điểm con người.

Muốn hiểu thật sâu một dân tộc, không thể không đi sâu tìm hiểu về ngôn ngữ của dân tộc đó.

Tiếng Việt là một ngôn ngữ có những đặc điểm hết sức phong phú, tinh tế, cũng chính như những đặc điểm của văn hoá, của con người Việt Nam. Chúng tôi cho rằng muốn tìm hiểu thật sâu sắc tâm hồn Việt Nam, bản sắc văn hoá của Việt nam-công việc mà nhiều nhà bác học hiện nay đang rất quan tâm-nhất thiết chúng ta phải có sự cộng tác rất chặt chẽ của các nhà ngôn ngữ học.

Sự cố gắng và hoạt động của các ngành ngữ văn, (nhất là văn học). các ngành lấy ngôn ngữ viết làm phương tiện biểu hiện trực tiếp trong công việc giáo dục, thông tin, báo chí hoặc để làm trong sáng tiếng Việt, nhiều năm qua đã giúp cho nhân dân một chừng nào hiểu và cảm thụ được cái đẹp, cái tế nhị, cái phong phú của tiếng Việt. Nhưng về nghiên cứu ngôn ngữ học thì kết quả có ít hơn.

Nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam đã có một số công trình về ngữ pháp Việt Nam có những khía cạnh mới. Nhưng chính ngữ pháp là lĩnh vực vẫn còn nhiều vấn đề chưa giải quyết, nhiều ý kiến lý giải khác nhau. Vì vậy mà việc giảng dạy văn phạm và ngữ pháp ở các trường, và việc sử dụng thực tiễn ngôn ngữ ở các giới văn học, nghệ thuật và trong nhân dân nói chung còn nhiều điểm chưa khớp. Còn khá nhiều người vẫn còn quan niệm ngữ pháp theo các sách viết phỏng theo ngữ pháp tiếng Pháp của thời trước. Có người lại sử dụng theo lối ngữ pháp Trung Quốc, có người thì áp dụng những quy luật của ngữ pháp tiếng Nga, hoặc Anh, tuỳ theo thông thạo ngoại ngữ của mình. Như vậy, rõ ràng là ngữ pháp hiện dạy cho các cháu ở trường trung học chưa được phổ cập cho toàn nhân dân. Thực ra ta chưa có một sự phổ biến nào rộng rãi và có tính nhà nước về ngữ pháp tiếng Việt. Vì vậy mà xảy ra một sự tuỳ tiện khá lớn trong việc vận dụng văn phạm. Lấy ví dụ như cách chấm câu hiện nay, ngay trong các sách báo, cũng khá tuỳ tiện. Còn về cách dựng câu, cũng chưa có những quy định chặt chẽ. Câu này có người cho là què, cụt, nhưng người khác lại chấp nhận, và ngược lại. Những mục "dọn vườn" ở một số báo đã chứng minh điều đó ; ngay những tác giả, nhà văn đã có tay nghề cũng đôi khi có những chỗ yếu về văn phạm trong các tác phẩm được in ấn.

Chúng tôi cho rằng cần thiết phải tiến tới chấm dứt tình trạng này, những công trình nghiên cứu mới về

ngữ pháp tiếng Việt cần ra đời, để chúng ta có thể cùng nhau tiến đến thống nhất được các quan niệm về văn phạm Việt Nam. Đó là một công việc phức tạp, khó khăn, cần phải có sự đóng góp của nhiều người, nhưng phải tiến hành sớm, vì nó đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển chung của nền văn hóa của ta.

Ông Hà Huy Thái, một người chuyên giảng dạy và nghiên cứu về ngữ pháp, đã hoàn thành một cuốn sách nhan đề : *"Chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn"*. Ông đã chứng minh sự tồn tại của câu văn hạt nhân trong ngôn ngữ với 3 thành phần chủ yếu là chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ và tồn tại dưới 5 dạng khác nhau. Ông cũng đã có một phát hiện mới cho rằng bổ ngữ giữ vai trò quan trọng nhất trong câu. Tác giả đã lấy câu văn hạt nhân làm nền tảng để chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn và trên cơ sở những vấn đề cơ bản ấy, tác giả đã đề ra cách tránh những câu què, câu cụt, xác định được câu nào là đúng, câu nào là sai, đồng thời thiết lập nên những quy tắc mới về cách dùng các dấu câu và phương pháp tháo, lắp câu... làm cho câu văn trở nên mạnh lạc, chính xác, phong phú, sinh động.

Đi sâu vào phân tích quy luật vận hành đặc biệt của câu văn Việt Nam, tác giả vẫn tìm ra những nét tương tự trong cấu trúc của các ngôn ngữ khác, so sánh các dạng chuẩn của các câu văn, để vừa tìm thấy cái riêng và cái chung trong các ngôn ngữ các dân tộc, mà mục đích chung, tác giả khẳng định là vấn đề thông tin. Tác giả thấy ở đây sự thuận lợi cho công tác dịch thuật và

công việc học tập các sinh ngữ.

Công trình này đã được công bố tại 2 Đại hội Ngữ pháp toàn quốc năm 1962 và 1965, và đã được trích đăng ở 4 số tạp chí Thông tin khoa học xã hội, "được xem như một thông tin rất đáng chú ý, có tính chất một phát hiện về một vấn đề quan trọng của nghiên cứu ngôn ngữ học hiện nay" (Tạp chí Thông tin khoa học và xã hội số 3, 1985 - trang 64).

Chúng tôi hoan nghênh tác giả và mong rằng quyển sách này sẽ góp phần đóng góp vào việc nghiên cứu ngữ pháp Tiếng Việt, và đồng thời vào việc tìm hiểu nền văn hoá Việt Nam.

Giáo sư LÊ ANH TRÀ
Viện trưởng Viện Văn hoá

LỜI NÓI ĐẦU

Loài người sử dụng ngôn ngữ nhằm một mục đích là thông tin, nên ngôn ngữ là một, còn các sinh ngữ khác nhau của các dân tộc cũng chỉ nhằm thực hiện mục đích duy nhất ấy mà thôi. Cho nên, trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, nếu chúng ta không xuất phát từ mục đích của nó, thì đi dễ dàng đặt ra những quy tắc, luật lệ bắt nguồn từ những suy nghĩ chủ quan của mình làm cho ngôn ngữ đi lệch khỏi mục đích của nó, và do đó, nó không còn là ngôn ngữ nữa.

Xuất phát từ mục đích thông tin của ngôn ngữ, các vấn đề trong cuốn sách này đều liên quan hữu cơ với nhau, nhưng mỗi vấn đề đều có tầm quan trọng riêng của nó, nên chúng tôi phân chia chúng ra làm 5 chương như sau:

- Ở chương I, chúng tôi chứng minh rằng cau văn luôn luôn phải gồm có 3 thành phần chủ yếu, vì cấu trúc của một thông báo tối thiểu gồm có 3 thành phần chủ yếu. Nói một cách khác, có đầy đủ 3 thành phần thì mới thiết lập nên được một thông báo tối thiểu nên câu cũng phải gồm có ba thành phần chủ yếu thì mới đạt được một mục đích thông báo tối thiểu. Cho nên, chúng ta có sự tương ứng 1-1 giữa mục đích thông báo tối thiểu và câu văn tối thiểu trong ngôn ngữ.

Chúng tôi gọi câu văn tối thiểu ấy là câu văn hạt nhân trong ngôn ngữ. Câu văn hạt nhân ấy tồn tại dưới năm dạng khác nhau với ba thành phần chủ yếu trong mỗi dạng. Nó là nền tảng của sự chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu, của sự chính xác hoá vị trí các dấu trong câu, và của phương pháp tháo, lắp câu.

- Ở chương II, khác hẳn với quan niệm từ trước tới nay, chúng tôi chứng minh rằng bổ ngữ giữ vai trò quan trọng nhất trong câu. Nó là quan trọng nhất, vì nó phục vụ đắc lực nhất cho mục đích thông tin của ngôn ngữ. Và, vì nó phục vụ đắc lực nhất cho mục đích thông tin, nên thường nó có số lượng áp đảo trong câu. Không biết dùng bổ ngữ hoặc coi nhẹ nó, thì khó mà tránh được câu què, câu cụt. Những áng văn hay, những ý thơ đẹp đã in sâu vào trái tim và khối óc con người bằng những bổ ngữ được dùng một cách thích hợp nhất với cảnh tình của người trong cuộc. Biết bao nét tranh sinh động, tuyệt mỹ cũng chỉ đã căn cứ chủ yếu vào những bổ ngữ giàu hình ảnh trong các câu văn, câu thơ mà thôi. Cho nên muốn viết văn đúng, văn hay, thì không nên coi thường bổ ngữ.

- Ở chương III, chúng tôi trình bày về sự chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn trong ngôn ngữ giúp chúng ta xác định được câu nào là đúng, câu nào là sai, tránh được câu què, câu cụt. Sự chuẩn mực hóa và công thức hoá này còn tạo ra sự tương ứng giữa cấu trúc và nội dung câu, nhằm giảm nhẹ sự đầu tư trí tuệ và thời gian vào việc học tập, nghiên cứu, giảng dậy, phiên dịch tiếng mẹ đẻ và tiếng nước ngoài. Phương pháp tháo lắp câu của chúng tôi cũng đã được thiết lập lên từ đấy. Công thức hoá cấu trúc câu văn cũng là một vấn đề đang được một số nhà khoa học trên thế giới ngày nay trù tính đến.

- Ở chương IV, cách dùng các dấu câu với những quy tắc mới được thiết lập nên trên nền tảng của những nguyên lý cấu tạo của câu văn hạt nhân tồn tại dưới 5 dạng khác nhau với 3 thành phần chủ yếu trong mỗi dạng, và cấu trúc câu ở các dạng khác nhau như đã trình bầy ở chương III, đã tạo ra những cơ sở khoa học cụ thể cho việc dùng các dấu câu đúng chỗ của chúng, tránh dùng một cách tuỳ tiện có thể gây nên những sự hiểu lầm đáng tiếc.

- Phương pháp tháo, lắp câu được trình bầy ở chương V. Với phương pháp này, các thành phần cấu tạo nên câu văn được coi như các bộ phận của một chiếc máy mà người thợ có thể tháo và lắp một cách dễ dàng. Trong quá trình tháo, lắp, chúng ta có thể điều chỉnh lại câu bằng cách thêm những gì xét ra còn thiếu, gạt ra những gì không thích hợp và xác định lại vị trí các dấu đã dùng đối với các thành phần khác nhau trong câu. Phương pháp này đã đưa lại những kết quả rất khả quan. Nó làm cho giờ giảng dạy ngữ pháp, ngữ văn đã không khô khan mà lại rất phong phú, sinh động, thầy và trò đều có thể góp ý kiến của mình để đánh giá lại nội dung cũng như cấu trúc câu văn, đồng thời thấy được cái hay, cái dở trong cách viết của tác giả.

Công trình này của chúng tôi đã được khởi thảo từ năm 1947 và đã được sơ lược báo cáo những năm 1962 và 1965. Nó cũng đã được trích đăng ở Tạp chí Thông tin khoa học và xã hội (số 11/84 và các số 3,6,8/85) ở báo Tổ quốc (số 3/85). Nhưng cũng chỉ gần đây, nó mới được hoàn chỉnh và nâng cao thêm.

Tác giả : **HÀ HUY THÁI**

CHƯƠNG I

CÂU VĂN HẠT NHÂN TRONG NGÔN NGỮ

I - MỞ ĐẦU

Một điều đã được khẳng định là, từ xa xưa cho đến ngày nay và mãi về sau, xã hội loài người đã và sẽ không ngừng phát triển, và sự phát triển này sẽ kéo theo sự phát triển không ngừng của ngôn ngữ ; ngược lại sự phát triển của ngôn ngữ cũng đã và sẽ thúc đẩy sự phát triển của xã hội loài người về mọi nặt. Sự tác động qua lại ấy là một quy luật khách quan, không một ai có thể kìm hãm nó được, và các nhà ngôn ngữ nói chung và ngữ pháp nói riêng có trách nhiệm lớn là tìm mọi cách để phục vụ nó một cách kịp thời nhất. Trong quá khứ, lượng thông tin trong sự giao tiếp của xã hội loài người đã rất lớn, nhưng ngày nay, với sự phát triển

như vũ bão của mọi ngành khoa học, kỹ thuật, văn hoá, nghệ thuật v.v.. lượng thông tin ấy trở nên quá lớn. Cho nên người ta đã tính đến việc công thức hoá các ngành khoa học nói chung, trong đó có ngôn ngữ và cấu trúc câu văn, nhằm gắn liền ngôn ngữ với tư duy con người để dễ biểu đạt thông tin một cách chính xác hơn, trong sáng hơn. Như vậy, sự chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn là một việc làm rất cần thiết, nhưng muốn làm được như vậy, thì chúng ta phải biết xuất phát từ cơ sở nào ? - Tất nhiên là phải xuất phát từ mục đích duy nhất của ngôn ngữ là thông tin, để tìm ra đơn vị thông báo nhỏ nhất ấy luôn luôn gồm có ba yếu tố chính, tức là ba thành phần chủ yếu là chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ mà chúng tôi gọi là câu văn hạt nhân của ngôn ngữ.

II - CẤU TRÚC CÂU VĂN HẠT NHÂN

Từ khi mới hình thành, loài người đã cần đến ngôn ngữ. Người ta phải dùng những ký hiệu, những điệu bộ, những âm thanh, những lời nói thô sơ, mộc mạc, v.v... để trao đổi tình cảm, truyền đạt thông tin, truyền thụ kinh nghiệm, tổ chức hợp tác lao động v.v... Nhưng, dù thô sơ mộc mạc đến như thế nào đi nữa, thì ngôn ngữ cũng phải đạt được mục đích của nó là thông báo được một lượng tin cần thiết đối với mỗi trường hợp trong cuộc sống.

Ngôn ngữ đã làm công cụ tác động giữa người với người trong xã hội. Và thực tế ấy của xã hội đã quyết định sự ra đời, sự phát triển của ý thức và ngôn ngữ, và ngược lại, ý thức và ngôn ngữ đã thúc đẩy xã hội không ngừng phát triển. Và sự phát triển ấy đã chứng tỏ rằng, mặc dầu thô sơ, mộc mạc đến đâu đi chăng nữa, thì thông tin của lời nói thuở xa xưa ấy đã phải đảm nhiệm được vai trò làm cho người nghe hiểu được người nói. Điều này cũng chứng tỏ rằng lời nói cổ xưa ấy cũng đã bao gồm đầy đủ những yếu tố cần thiết cho mỗi thông báo nhất định. Vì bất kỳ ở thời đại nào người nghe cũng không tài nào hiểu nổi, nếu người nói chỉ nói "Tôi" rồi dừng lại, và cho dù người nói đã biết nói "Tôi ăn", chẳng hạn thì vẫn chưa thông báo được gì cho người nghe cả, và người nghe cũng ăn và cũng thừa biết rằng trong cuộc sống, ai mà chẳng ăn. Cho nên, muốn đạt được mục đích thông báo với người nghe, thì người nói bắt buộc phải dùng thêm một yếu tố thứ ba nữa, như "cơm" chẳng hạn, thì người nghe mới hiểu nổi. Khi muốn xin ăn, người câm thường chỉ vào trán hoặc ngực của họ để thay cho từ "Tôi" (Chủ ngữ), và há miệng ra nhai vài cái để thay cho vị ngữ "ăn", rồi lại chỉ vào vật muốn ăn (tức là bổ ngữ). Ba yếu tố chính trong lời nói đã bắt nguồn từ chính mục đích của ngôn ngữ, chứ tuyệt nhiên không từ nhà ngữ pháp nào cả. Bất kỳ lời nói nào của ngôn ngữ nào cũng không thể thiếu được 1 trong 3 yếu tố chính ấy. Sự tồn tại ấy đã bắt

nguồn từ mục đích của ngôn ngữ, nên nó đã trở thành một quy luật khách quan đối với mọi thứ sinh ngữ trên hành tinh này.

Sự tiến bộ không ngừng của tri thức loài người đã kéo theo sự xuất hiện ngành ngôn ngữ học với chức năng là khái quát hoá, chuẩn xác hoá ngôn ngữ, nhằm mục đích biểu đạt thông tin một cách chính xác hơn, thống nhất hơn. Nhưng, cũng từ đấy, dần dần đã xuất hiện nhiều khuynh hướng khác nhau, khó mà dung hoà nổi. Đa số tác giả đều có chung một khuynh hướng là câu văn chỉ gồm có 2 thành phần chủ yếu (2 yếu tố chính) là chủ ngữ và vị ngữ, trong đó có người cho rằng vị ngữ là quan trọng nhất, ngược lại cũng có người cho rằng chủ ngữ là quan trọng nhất. Gần đây, lại có tác giả quan niệm rằng, trong câu gồm 2 thành phần chủ yếu ấy, thì bổ ngữ là quan trọng, nhưng lại bắt nó phải nằm gọn trong lòng của vị ngữ ! Lại có người cho rằng câu văn chỉ gồm có 1 thành phần chủ yếu (1 yếu tố chính), vì họ đã căn cứ vào sự có mặt chỉ của một hoặc 2 thành phần trong những câu ràng buộc. (Xem định nghĩa và ví dụ về câu ràng buộc ở chương III).

Người ta cũng cho rằng, với loại động từ (vị ngữ) mà ngữ pháp truyền thống gọi là "nội động từ" (verbes intransittifs) như đi chạy v.v... thì câu văn chỉ gồm có 2 thành phần chủ yếu mà thôi, ví dụ : "Tôi đi.", "Nó chạy". Nhưng, những câu với 2

thành phần chủ yếu như thế không thể biểu đạt được một lượng thông tin cần thiết, và sinh vật nào mà chả biết đi. Bởi vậy "Tôi đi" vẫn chưa biểu đạt được một thông báo gì mới cả. "Tôi đi", nhưng đi bao giờ, đi đâu, đi với ai, đi bằng cách gì, vì sao đi ? v.v... Cách phân loại động từ (vị ngữ) một cách sai lệch này đã kéo theo một quy định sai lệch là,với loại động động từ (vị ngữ) này, câu văn chỉ gồm có 2 thành phần chủ yếu mà thôi, quả là một việc làm trá ngược với mục đích thông tin của ngôn ngữ, trái ngược với sự tồn tại khách quan của ngôn ngữ. Qua đây, chúng ta thấy được rằng : không có động từ (vị ngữ) nào là không cần có bổ ngữ, cho nên cũng không có câu văn nào là không cần có bổ ngữ, cho nên cũng không có câu văn nào là không có đầy đủ 3 thành phần chủ yếu của nó.

Rõ ràng là, muốn biểu đạt được nội dung thông tin thì câu văn phải gồm có đầy đủ 3 yếu tố chính, mà nay được gọi là thành phần chủ yếu, và ngược lại khi có 3 yếu tố chính (3 thành phần chủ yếu) thì câu văn sẽ biểu đạt được một mục đích thông tin nhất định. Bởi vậy, điều kiện cần và đủ cho một câu văn hoàn chỉnh (tức là biểu đạt được mục đích của thông tin) là nó phải gồm có đầy đủ 3 thành phần chủ yếu là : Chủ ngữ, vị nhgữ, bổ ngữ. Như vậy, giữa mục đích biểu đạt thông tin và số lượng tương ứng 1-1. Nói cách khác, mục đích biểu đạt thông tin của câu văn và số lượng 3 thành phần

chủ yếu của nó luôn luôn tồn tại song song với nhau. Vì, dù trường hợp đặc biệt như thế nào đi chăng nữa, thì những trường hợp ấy đều có thể thay bằng một câu trọn vẹn gồm 3 thành phần chủ yếu là chủ ngữ, vị ngữ, và bổ ngữ, và chúng tôi gọi nó là câu văn hạt nhân của ngôn ngữ.

Trước khi đi vào giải quyết vấn đề một cách cụ thể, chúng tôi thấy cần phải định nghĩa các thành phần chủ yếu của câu văn hạt nhân như sau :

1. Đối với câu văn hạt nhân nêu lên tính chất, nghề nghiệp hoặc quyền sở hữu của đối tượng nào đó, thì :

a) Đối tượng đó gọi là chủ ngữ :

b) Thành phần nêu lên tính chất, nghề nghiệp, quyền sở hữu của chử ngữ gọi là bổ ngữ.

c) Thành phần nêu lên sự tương đương (hiểu theo nghĩa rộng) giữa chủ ngữ và bổ ngữ hoặc quyền sở hữu của chủ ngữ đối với bổ ngữ gọi là chủ vị ngữ.

2. Đối với câu hạt nhân nêu lên một sự tác động của đối tượng nào đó, thì :

a) Thành phần thực hiện tác động đó gọi là chủ ngữ.

b) Thành phần nêu lên hình thức của sự tác động đó gọi là đối tượng vị ngữ.

c) Thành phần chịu sự tác động đó gọi là bổ ngữ.

3. Đối với câu hạt nhân nêu lên một tác động đã xảy ra trong một trạng thái nào đó, những lại không tác động đến bổ ngữ, thì :

a) Thành phần thực hiện tác động đó gọi là chủ ngữ.

b) Thành phần nên lên rằng hình thức của sự tác động đó không tác động đến bổ ngữ gọi là trạng vị ngữ.

c) Thành phần nêu lên tác động đó đã xảy ra trong trạng thái nào gọi là bổ ngữ.

Ngoài ra, trong các câu văn nói chung, tất cả mọi thành phần có chức năng bổ nghĩa cho một thành phần khác thì đều được gọi là bổ ngữ.

Những định nghĩa trên đây đã được thiết lập trên cơ sở của sự phân chia các loại bổ ngữ trong năm dạng của câu văn hạt nhân ra làm ba loại khác nhau, với những chức năng khác nhau như sau :

- Loại thứ nhất nêu lên sự tương đương (hiểu theo nghĩa rộng) giữa bổ ngữ và chủ ngữ, hoặc quyền sở hữu của chủ ngữ đối với bổ ngữ.

- Loại thứ hai nêu lên trạng thái của chủ ngữ và vị ngữ, và không chịu sự tác động của chúng .

- Loại thứ 3 nêu lên trạng thái của chủ và vị ngữ, và không chịu sự tác động của chúng.

Ba loại bổ ngữ kể trên được dùng tương ứng với ba loại vị ngữ khác nhau : loại bổ ngữ thứ nhất tương ứng với loại chủ ngữ (verbe copule), loại bổ

ngữ thứ hai tương ứng với loại đối tượng vị ngữ (verber transittif) và loại bổ ngữ thứ ba tương ứng với loại trạng vị ngữ (verbe intransitif). Từ nền tảng này, năm dạng của câu văn hạt nhân đã được hình thành như sau:

1. Với loại bổ ngữ nêu lên sự tương đương (hiểu theo nghĩa rộng) giữa bổ ngữ và chủ ngữ, thì chúng ta có hai dạng của câu văn hạt nhân như sau :

a) Dạng thứ nhất có bổ ngữ là một danh từ, đại từ, số từ, động từ, v.v... được dùng để nêu lên nghề nghiệp của chủ ngữ hoặc quyền sở hữu của chủ ngữ đối với bổ ngữ. Ví dụ:

- Anh là *bác sĩ. (Bác sĩ* là nghề nghiệp của anh ấy)

- Nó là *công nhân. (Công nhân* là nghề nghiệp của nó).

- Con có *cha. (Cha* thuộc quyền sở hữu của chủ ngữ con).

- Nhà có *nóc*. (*Nóc* thuộc quyền sở hữu của chủ ngữ nhà).

- Sống là *chiến đấu* (*Chiến đấu* là bổ ngữ nêu lên sự tương đương giữa nó và chủ ngữ sống).

b) Dạng thứ hai có bổ ngữ là một tính từ được dùng để nêu lên tính chất của chủ ngữ. Ví dụ :

- Lao động là *vinh quang*. (*Vinh quang* là tính chất của chủ ngữ lao động).

- Biển là *rộng*. (*Rộng* là *tính chất của chủ ngữ biển).*

- *Vũ trụ là bao la. (Bao* la là tính chất của chủ ngữ vũ trụ).

Ghi chú : Vì quá thiên về khuynh hướng cho rằng câu văn chỉ gồm có 2 thành phần chủ yếu là chủ ngữ và vị ngữ, nên một số tác giả đã cho rằng "Lúa tốt", "Mạ xanh" v.v... là những câu trọn vẹn trong đó "tốt" và "xanh" được coi như là vị ngữ. Sự xác định như vậy quả là một sai lầm lớn, vì thực tế thì ở hai ví dụ ấy, theo thói quen dùng, người ta đã ẩn chủ vị ngữ "là" đi mà thôi. Và mặc dù dùng "Lúa tốt", "Mạ xanh", nhưng người ta vẫn hiểu theo nghiã Lúa là tốt, Mạ là xanh, và người ta đã từng nghe hoặc đọc trong cuộc sống cũng như trong các sách kim cổ, đông tây, muôn vàn câu như : "Lúa thật là tốt", "Mạ rất là xanh", "Trời thật là đẹp", "Đi bộ là chính", v.v...

2. Với loại bổ ngữ nêu lên đối tượng chịu tác động của chủ ngữ và vị ngữ, chúng ta cũng có 2 dạng của câu văn hạt nhân như sau :

a) Dạng thứ nhất có đối tượng vị ngữ không có giới từ kèm sau. Ví dụ:

Tôi ăn *cơm. (Cơm* là bổ ngữ đối tượng được dùng với đối tượng vị ngữ ăn không có giới từ kèm sau).

b) Dạng thứ hai có đối tượng vị ngữ có giới từ theo sau. Ví dụ :

Nó *nghĩ* về anh. (*Anh* là bổ ngữ được dùng với đối tượng vị ngữ có giới từ "về" kèm theo sau).

3. Với loại bổ ngữ nêu lên trạng thái của chủ ngữ và vị ngữ, và không chịu sự tác động của chúng, chúng ta chỉ có một dạng của câu văn hạt nhân như sau:

Anh đi *hôm nay*. (*Hôm nay* là bổ ngữ nêu lên trạng thái thời gian của chủ ngữ và vị ngữ "tôi đi" và không chịu sự tác động của chúng).

Tóm lại, với 3 loại bổ ngữ khác nhau, câu văn hạt nhân của ngôn ngữ đã được hình thành dưới 5 dạng khác nhau như đã trình bầy ở trên đây. Cho nên chúng tôi gọi các bổ ngữ ở 5 dạng câu hạt nhân là bổ ngữ hạt nhân. Nhưng trong các loại câu văn khác được phát triển trên nền tảng của câu hạt nhân, thì còn có mặt nhiều loại bổ ngữ khác mà chúng tôi sẽ trình bầy ở chương II dành riêng cho bổ ngữ.

Sau đây là sơ đồ về 5 dạng của câu văn hạt nhân trong ngôn ngữ : (Xem tiếp sơ đồ trang 23).

Ghi chú 1:

Ở đây, chúng tôi tạm phân biệt đối tượng vị ngữ (verbe transitif). Nhưng, thực tế thì "trạng vị ngữ" cũng chỉ là đối tượng vị ngữ mà thôi, bởi vì bất kỳ một "trạng vị ngữ" nào cũng có tác động đến một đối tượng nhất định nào đó. Đối tượng chịu sự tác động ấy được nêu lên hay không được nêu lên trong câu là hoàn toàn phụ thuộc vào nhu cầu của thông tin trong từng trường hợp nhất định. Ví dụ, trong câu "nó đi hôm qua", thì nơi đi hoặc nơi đến

coi như người được thông tin đã biết trước rồi. Và nơi đi hoặc nơi đến đó tất nhiên có chịu sự tác động của chủ ngữ và vị ngữ "Tôi đi". Cho nên vị ngữ "đi" cũng như các "trạng vị" ngữ khác (verbes intransitif) cần được xếp vào loại "đối tượng vị ngữ" (verbe transitif).

Nhưng, trong trường hợp một sự thông tin tối thiểu nào đó đòi hỏi phải ưu tiên dùng loại bổ ngữ trạng thái, thì cũng chỉ trong trường hợp ấy thôi, đối tượng vị ngữ (verbe transitif) mới được đặc cách dùng như là một trạng vị ngữ (verbe intransitif). Nói một cách khác, sự có mặt của bổ ngữ trạng thái trong câu văn hạt nhân là nguyên nhân làm cho một đối tượng vị ngữ nhất định nào đó phải giữ chức năng của một trạng vị ngữ nhằm nêu lên rằng bổ ngữ trạng thái ấy không chịu sự tác động của chủ ngữ và vị ngữ trong câu ấy, mà chỉ nêu lên trạng thái của chúng mà thôi.

Ghi chú 2 :

Trong các sơ đồ và ví dụ về câu văn hạt nhân tồn tại dưới 5 dạng khác nhau trên đây, chúng tôi chỉ mới đề cập đến 3 loại vị ngữ chính là chủ vị ngữ, đối tượng vị ngữ và trạng vị ngữ. Nhưng thực tế trong câu văn còn có thể có các trợ vị ngữ (verbes auxiliaires) luôn luôn đứng trước vị ngữ chính trong câu, vì không đứng độc lập được mà phải kết hợp với vị ngữ chính để cùng với vị ngữ

chính, tạo ra một nghĩa từ vựng mới. Ví dụ, trong các câu "Tôi muốn ăn cơm", "Nó thích uống cà fé", "Ba chán xem xiếc.", "Tý suýt ngã xuống ao", thì muốn, thích, chán, suýt là trợ vị ngữ còn ăn, uống, xem, ngã là vị ngữ chính.

Các trợ vị ngữ thường dùng là : muốn, thích, thèm, cần, có thể, phải, được, chán, mê, suýt, cho, v.v...

Phương pháp tìm trợ vị ngữ trong câu. Trợ vị ngữ là loại vị ngữ mà, nếu bỏ nó đi, câu văn vẫn còn có ý nghĩa, ví dụ, trong câu "Tôi thích ăn cam", thì nếu bỏ trợ vị ngữ "thích" đi, câu văn còn có nghĩa, còn nếu vị ngữ chính "ăn" bị bỏ đi, thì câu văn không còn có ý nghĩa cụ thể nữa, vì "thích cam", nhưng thích ăn, thích nhìn, thích hái hay thích cầm... thì chưa được nêu rõ.

Để tránh sự lầm lẫn giữa vị ngữ chính và vị ngữ phụ cần chú ý đến những trường hợp mà vị ngữ đứng liền trước vị ngữ chính của câu vẫn là vị ngữ chính. Ví dụ như trong câu "Tôi đi ăn cơm", thì "đi" không phải là trợ vị ngữ mà là vị ngữ chính, vì câu "Tôi đi ăn cơm" là một câu đã được rút gọn theo thói quen từ câu trạng thái "Tôi đi đến một địa điểm nào đó ăn cơm". Nhưng câu "Tôi đi + địa điểm để ăn cơm" chỉ được phép rút gọn thành "Tôi đi ăn cơm" trong trường hợp người nghe đã biết địa điểm ăn cơm của người nói rồi. Cho nên, những câu như "Nó về thăm mẹ", "*Tôi trở lại* gặp anh",

"Anh ấy *đến* đây để mua sách".

Trong các ví dụ trên đây, các vị ngữ đi, về, trở lại, đến đều biểu thị sự tự vận động từ nơi này qua nơi khác. Chúng đều là những vị ngữ chính đứng độc lập với nghĩa từ vựng riêng của chúng mặc dầu chúng cũng đứng liền trước các vị ngữ chính không khác gì các trợ vị ngữ. Cho nên đã là trợ vị ngữ thì không thể thuộc về loại vị ngữ biểu thị sự tự vận động này được.

Ghi chú 3 :

Trong công trình này, về mặt thuật ngữ, chúng tôi giữ nguyên tên gọi các thành phần trong câu theo cách gọi của các sách ngữ pháp đã xuất bản. Và, để bạn đọc dễ theo dõi, ở một số chỗ, sau những từ "động từ" chúng tôi đã ghi kèm theo sau nó từ "vị ngữ", vì trong các sơ đồ về cấu trúc câu, động từ được gọi là vị ngữ.

Dạng câu thứ nhất	CHỦ NGỮ (Sujet)	CHỦ VỊ NGỮ (Verbe copule)	BỔ NGỮ (attribut) là một danh từ, đại từ...
Dạng câu thứ hai	CHỦ NGỮ (Sujet)	CHỦ VỊ NGỮ (Verbe copule)	BỔ NGỮ (attribut) là một tính từ
Dạng câu thứ ba	CHỦ NGỮ (Sujet)	ĐỐI TƯỢNG VỊ NGỮ không có giới từ đi kèm theo sau (verbe transitiff non suivi de préposition)	BỔ NGỮ ĐỐI TƯỢNG (complément d'objet)
Dạng câu thứ tư	CHỦ NGỮ (Sujet)	ĐỐI TƯỢNG VỊ NGỮ có giới từ đi kèm theo sau (verbe transitiff suivi de préposition)	BỔ NGỮ ĐỐI TƯỢNG (complément d'objet)
Dạng câu thứ năm	CHỦ NGỮ (Sujet)	TRẠNG VỊ NGỮ (Verbe întansitif)	BỔ NGỮ TRẠNG THÁI (complément circonsstanciel)

CHƯƠNG II

BỔ NGỮ LÀ THÀNH PHẦN QUAN TRỌNG NHẤT TRONG CÂU VĂN

I - TẠI SAO BỔ NGỮ LẠI LÀ THÀNH PHẦN QUAN TRỌNG NHẤT ?

Hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam, nhiều nhà ngữ ngôn học thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau đều cho rằng câu văn chỉ gồm có 2 thành phần chủ yếu là chủ ngữ và vị ngữ trong đó có người cho vị ngữ là quan trọng nhất, ngược lại cũng có những người cho chủ ngữ là quan trọng nhất. Gần đây, một số tác giả Việt Nam gọi câu gồm 2 thành phần chủ yếu là "Kết cấu chủ-vị" hay "cụm chủ-vị". Tuy cách gọi có khác nhau, nhưng hầu hết đều chung một quan niệm, một hướng giải quyết không khác nhau bao nhiêu. Cũng có tác giả gọi câu gồm hai thành phần ấy là "Chủ thuyết và

đề thuyết", trong đó, bổ ngữ mặc dầu được quan niệm là quan trọng, nhưng chỉ được nằm gọn trong lòng của "đề thuyết" mà thôi, chứ không được đứng tách ra thành một thành phần độc lập, tức là trong "thuyết ngữ" có thể gồm có bổ ngữ. Lẻ tẻ, lại có người nêu lên cấu trúc "từ-câu", tức là câu chỉ gồm có 1 thành phần chủ yếu.

Những quan điểm trên đây đã phủ nhận vai trò quan trọng nhất của bổ ngữ trong câu văn, trong khi ở bất cứ bài viết nào, lời nói nào cũng có sự tham gia của bổ ngữ. Hơn thế nữa, bổ ngữ không những xuất hiện, mà thường còn xuất hiện với bất kỳ số lượng áp đảo trong hầu hết các câu văn của bất kỳ sinh ngữ nào. Đó là một thực tế khách quan rất dễ thấy. Người ta dùng ngôn ngữ là để thông tin. Vì vậy, các thành phần của một câu nào đó xuất hiện không phải ngẫu nhiên, chúng xuất hiện gắn hợp với nhau nhằm nêu lên một tin tức cụ thể trong một hoàn cảnh nhất định. Tại sao loài người, từ xưa đến nay, lại dùng bổ ngữ với số lượng áp đảo trong câu ? Không vì gì khác mà chính vì sự đòi hỏi của thông tin, vì thiếu chúng thì không thể thông tin một cách đầy đủ được.

Để đánh giá vai trò của bổ ngữ một cách cụ thể hơn, chúng ta hãy lấy một câu chỉ gồm có 2 thành phần chủ yếu là chủ ngữ và vị ngữ, tức là không có bổ ngữ, xem sao : "Tôi đi" chẳng hạn. Nếu câu văn của ta dừng lại đó, thì không thể chấp nhận

được, trừ trường hợp bổ ngữ được coi như đã thông báo rồi. Trong cuộc sống, bất kỳ ai trong chúng ta mà chẳng đã đi hàng nghìn, hàng vạn lần trong hàng nghìn hàng vạn hoàn cảch khác nhau, mỗi lần đi đều có nguyên nhân, kết quả... riêng của nó, khác hẳn với các lần khác. Trong câu văn thì thành phần nào đã biểu thị được sự khác nhau giữa muôn vàn trạng thái, lý do, hậu quả, phương tiện, v.v... của mỗi chuyến đi trong cuộc đời ta ? Tất nhiên là bổ ngữ, và cũng chỉ có bổ ngữ mà thôi. "Tôi đi" mà không hề tự biết và cho người khác biết là đi đâu, đi bằng phương tiện nào, đi xuống vực thẳm hay đi vào hang cọp, đi mà không hề đếm xỉa gì đến mọi điều kiện chủ quan và khách quan... Thế chẳng hoá ra là tôi đã mất trí rồi sao ? Đã có một ông chồng nhận được điện tin của vợ với mấy chữ : "Em đi". Bức điện ấy làm ông chồng này điên cuồng lên : "Em đi", nhưng đi đâu ? Đi khi nào ? Đi với ai ? Đi bằng gì ? Vì sao lại đi ? Đi để làm gì ? Và bao giờ "em" sẽ trở lại !?... Ông chồng đã bỏ ăn, bỏ tất cả, để bay ngay về gia đình tìm hiểu cho kịp thời nội dung bức điện ! Nếu như bà vợ ấy đã biết dùng bổ ngữ một cách đầy đủ và thích hợp, thì đâu đến nông nỗi ấy. Chắc chắn rằng, trong sự giao lưu xã hội loài người biết bao sự hiểu lầm, sự cãi vã, biết bao cuộc chiến tranh, v.v... hoặc biết bao sự thông cảm sâu sắc, tình hữu nghị anh em thắm thiết đã

nẩy sinh từ những bổ ngữ được dùng một cách thích đáng nhất trong lời nói, trong báo chí, trong công hàm...

Ngay đối với những động từ (vị ngữ) mà tình cảm được biểu thị ngay trong lòng bản thân chúng, cũng cần phải có bổ ngữ, vì : yêu cũng có thể là yêu thật, hoặc yêu giả vờ, giận cũng có thể là giận thật hoặc giận giả vờ (giận để giáo dục, giận để thuyết phục, giận để được yêu mến hơn). Lấy bất kỳ một động từ (vị ngữ) nào ra để xét cũng vậy thôi. Chúng ta sẽ nhận thấy rằng, nếu không có bổ ngữ, thì nó cũng chỉ đơn thuần biểu thị được một cách quá chung chung một hành động, một cử chỉ, một ý nghĩ... nào đó, chứ nó không hề mảy may biểu thị được bất kỳ một khía cạnh cụ thể nào về mặt tình cảm muôn mầu, muôn vẻ của con người, hoặc một sự vận động cụ thể nào của vạn vật ngày càng phong phú, tinh vi, chính xác hơn, phức tạp hơn trong vũ trụ bao la này. Với động từ (vị ngữ) "đánh" chẳng hạn, nếu không có bổ ngữ đi kèm, thì nó chỉ biểu thị một hành động dùng lực, hoặc vũ lực mà thôi. Nhưng nếu chúng ta thêm bổ ngữ vào, thì nó có thể biểu thị một sự âu yếm, một tình thương kín đáo, ví dụ như : Cô ấy đánh nhẹ vào má người yêu, v.v...Tóm lại, nếu thay đổi bổ ngữ, thì ý nghĩa của câu văn sẽ thay đổi từ thái cực tình cảm này qua thái cực tình cảm khác.

Rõ ràng là bổ ngữ thì câu văn mới nói ra được mục đích tình cảm cụ thể, sự vận động cụ thể của sự vật cần biểu lộ. Bất kỳ một câu văn nào, xứng đáng với tên gọi của nó, cũng phải biểu lộ cho được tình cảm một cách cụ thể nhất, chính xác nhất, cái ấy là quan trọng nhất trong câu văn. Chúng tôi nói bổ ngữ là chủ yếu, là quan trọng nhất, và nó biểu thị tình cảm cụ thể của câu văn. Trong ngôn ngữ thực tế của nước ta cũng như của bất kỳ nước nào, tất cả những ý muốn nói đều dành cho bổ ngữ. Còn chủ ngữ và vị ngữ, mặc dầu cũng có vai trò chủ yếu trong câu, nhưng là cái mào đầu thôi. Tất cả những khía cạnh cụ thể của nền tảng đạo đức, của những lời giáo huấn, tất cả tình cảm, sách lược, chiến lược, mưu lược, chiến thuật, thủ thuật mà ông cha ta đã truyền lại cho chúng ta trong các pho kinh sử đều thông qua bổ ngữ. Đọc sách Đông, Tây, kim, cổ, mà không biết dựa vào bổ ngữ để nghiên cứu, tìm hiểu, học tập, thì làm sao rút ra được những khía cạnh cụ thể, chính xác, muôn mầu, muôn vẻ của những lời giáo huấn, những di chúc, những kinh nghiệm vô giá mà loài người truyền lại, gửi đến cho chúng ta ? Nếu vứt bỏ bổ ngữ của những câu văn trong các pho sách ấy đi, thì chúng ta không thể thu lượm được bất kỳ một điều gì một kinh nghiện cụ thể nào có lợi ích thực sự cho chúng ta nữa. Tất cả những công hàm giữa các nước, tất cả những công

văn, những cuộc cãi vã nhau... đều dựa vào bổ ngữ mà trao đổi ý kiến, quan điểm, tình cảm với nhau. Vì vậy nên chúng ta cần hiểu được vai trò rất quan trọng của bổ ngữ để không bao giờ quên sử dụng nó một cách thích hợp nhất, trong mọi tình huống của cuộc sống. Làm được như vậy là biết dùng ngôn ngữ, biết để cho ngôn ngữ in sâu vào trái tim và khối óc con người.

Trong các ngành khoa học, vai trò của bổ ngữ mang tính chất chỉ đạo, quyết định rất rõ nét. Cho nên khoa học phát triển thì bổ ngữ cũng phát triển. Không có bổ ngữ thì cũng không có các yếu tố, các định lượng trong các tiền đề, định luật, định lý, mệnh đề, bổ đề... Không có bổ ngữ thì các nhà khoa học, các máy điện tử cũng không còn việc để làm. Không có bổ ngữ thì sẽ không tìm thấy cái đơn trị (uniforme) trong cái đa trị (multiforme) v.v...

Trên thế giới ngày nay, người ta đang tìm cách cung cấp cho máy điện tử những bổ ngữ chính xác, tương ứng với từng loại người, từng loại vật thể, từng loại công việc... để xây dựng lên mô hình đặc trưng cho mỗi loại...

Chúng tôi nhận thấy rằng : bổ ngữ trong câu văn cũng không khác gì hệ thần kinh trong cơ thể con người. Nó là mầu sắc, hương vị, chất lượng, định lượng của câu văn. Nó sống thì câu sống, nó chết thì câu chết. Con người không thể tồn tại thiếu hệ thần kinh, thì câu văn cũng không thể thiếu bổ ngữ.

II NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA BỔ NGỮ NÊU LÊN VAI TRÒ QUAN TRỌNG NHẤT CỦA NÓ TRONG CÂU

Sau đây chúng tôi nêu lên những đặc tính chủ yếu của bổ ngữ, để bạn đọc thấy rõ thêm vai trò vô cùng quan trọng của nó trong câu văn.

1. Tính đa loại
2. Tính đa dạng
3. Tính cơ động
4. Tính phong phú về trữ lượng tin
5. Tính tiên quyết
6. Tính bao quát

A. Tính chất đa loại của *bổ ngữ*

Bổ ngữ gồm nhiều loại như : bổ ngữ hạt nhân, bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ xác định và bổ ngữ ngữ điệu.

1. Bổ ngữ hạt nhân của câu văn hạt nhân

Định nghĩa : *Bổ ngữ hạt nhân là loại bổ ngữ được dùng với chủ ngữ và vị ngữ trong câu văn hạt nhân, nhằm biểu đạt một nội dung thông báo tối thiểu nào đó.*

Ở chương I, chúng tôi đã chứng minh rằng câu văn hạt nhân, tồn tại dưới 5 dạng khác nhau, luôn luôn gồm có 3 thành phần chủ yếu là chủ ngữ, vị ngữ, và bổ ngữ, và mỗi dạng trong 5 dạng câu ấy đều có loại bổ ngữ riêng thích hợp với nó. Như vậy là có sự tương ứng 1-1 giữa mỗi mục đích thông tin tối thiểu và bổ ngữ hạt nhân của nó, và mỗi bổ ngữ hạt nhân ấy lại có sự tương ứng 1-1 với mỗi loại vị ngữ thích hợp với nó.

Cho nên, câu văn hạt nhân của bất kỳ sinh ngữ nào cũng gồm có 3 thành phần chủ yếu và tồn tại dưới 5 dạng khác nhau, vì bất kỳ sinh ngữ nào cũng chỉ có 3 loại bổ ngữ khác nhau được dùng tương ứng 3 loại vị ngữ khác nhau như sau :

a) Loại bổ ngữ hạt nhân thứ nhất nêu lên sự tương đương (hiểu theo nghĩa rộng) giữa bổ ngữ và chủ ngữ, hoặc quyền sở hữu của chủ ngữ với bổ ngữ. Nó có thể là một danh từ, đại từ, số từ, động từ hoặc tính từ luôn luôn được dùng với loại chủ vị ngữ (verbe copule).

Loại bổ ngữ này có 2 mẫu câu : một mẫu câu có bổ ngữ là một danh từ, đại từ, số từ... và một mẫu câu có bổ ngữ là một tính từ.

- Ví dụ về mẫu câu có bổ ngữ là một danh từ... Thuý Kiều là *chị*. Em là *Thuý Vân*. (Kiều)

Anh là bác sĩ. Nó là kỹ sư.

Tôi có 5 *đồng*. Con có *cha*. Nhà có *nóc*.

- Ví dụ về mẫu câu có bổ ngữ là một tính từ.

Trăng là *trong trắng*. (Đặng Thai Mai).

Khóc là *hèn*.

Cảnh vật trở nên *êm đềm*.

Loại bổ ngữ hạt nhân thứ hai nêu lên đối tượng chịu sự tác động của chủ ngữ và vị ngữ. Nó luôn luôn được dùng với loại đối tượng vị ngữ (verbe transitif).

Loại bổ ngữ này có 2 mẫu câu : một mẫu câu trong đó đối tượng vị ngữ không có giới từ kèm theo sau, và một mẫu câu trong đó đối tượng vị ngữ có giới từ kèm theo sau:

- Ví dụ về mẫu câu trong đó đối tượng vị ngữ không có giới từ kèm theo :

Anh cày ruộng. Em cắt cỏ.

- Ví dụ về mẫu câu trong đó đối tượng vị ngữ có giới từ kèm theo sau :

- Việt Nam kháng chiến chống ngoại xâm.

- Nó hướng về anh.

- Tôi nói với nó.

c) Loại bổ ngữ hạt nhân thứ ba nêu lên trạng thái của chủ ngữg và không chịu sự tác động của chúng. Nó luôn luôn được dùng với loại trạng vị ngữ (verbe intransitif).

Loại bổ ngữ trạng thái này chỉ có một mẫu câu.

Ví dụ: Nó hát *hay*.

Anh đi *nhanh*. Tôi đi *chậm*.

Bổ ngữ trạng thái (compléments circonstnciesls).

Bổ ngữ trạng thái là loại bổ ngữ được bổ sung vào câu văn hạt nhân để bổ nghĩa cho một, hai thành phần chủ yếu hoặc chung cho cả câu hạt nhân, nhằm đáp ứng những đòi hỏi của sự thông tin về mặt trạng thái như : thời gian, nguyên nhân, mục đích, điều kiện, phương tiện, cách thức, so sánh, đối lập, hậu quả, giả thuyết, v.v... Câu văn hạt nhân nào được bổ sung đầy đủ những bổ ngữ trạng thái cần thiết cho một sự thông tin nào đó thì sẽ tránh được những thắc mắc, những câu hỏi thường được đặt ra như : Khi nào ? Bằng phương tiện gì ? Bằng cách nào ? Như thế nào ? Cho ai ? Vì ai ? Vì sao ? Thế nào ? Với điều kiện gì ? Với mục đích gì ? Hậu quả ra sao ? v.v...

a) Ví dụ về bổ ngữ trạng thái thời gian (complément circonstanciel de temps).

- Từ đầu hôm, tôi vẫn đi giữa đêm rằm mà không biết.

- Có những chiều hôm, khi mặt trời lặn, khắp nơi trong ngục tối, ca nhạc bỗng dấy lên, ồn ào nhộn nhịp. (Đặng Thai Mai).

- Ngày mai, tôi quay về, nhất định tôi vào thăm Nguyệt. (Đặng Minh Châu).

b) Ví dụ về bổ ngữ trạng thái so sánh (complément circonstanciel de comparaiion).

- Đạn rơi xung quanh tôi *như trấu vãi.*

- Phía đông bãi Soi, khúc sông cụt nằm cong cong như vành cánh cung.

- Từ đầu đến chân cô ta ướt như một con công vừa tắm. (Nguyễn Minh Châu).

c) Ví dụ về bổ ngữ trạng thái nguyên nhân (complément circonstanciel de cause)

- Tôi đã trở lại đây vì *gia đình tôi* và cũng còn vì *anh nữa.*

- Tôi định viết thật dài, *vì có nhiều chuyện đáng kể với anh.*

- *Vì Tổ quốc*, anh ấy đã hiến dâng xương máu của mình.

d) Ví dụ về bổ ngữ trạng thái đối lập (complément circonstanciel d'opposition).

Mặc dù bài viết của anh không phải là một áng văn chương, thế mà nó đã lay động lòng tôi suốt mấy giờ liền.

- *Tuy rét vẫn kéo dài*, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương. (Nguyễn Đình Thi)

- Anh ấy đến thăm tôi, mặc dù trời mưa tầm tã đã mấy ngày nay.

e) Ví dụ về bổ ngữ trạng thái phương tiện (complément circonstanciel de moyen).

- Thủ đô Việt Nam được trang điểm *bằng bao nhiêu mầu sắc* (Trần Đăng).

- *Bằng một động tác thành thạo*, anh khẽ nâng cánh cửa lên, lọt vào trong nhà.

- Chiếc máy khổng lồ ấy đã được vận chuyển đến đây *bằng sức người, với một con lăn và đòn bẩy.*

f) Ví dụ về bổ ngữ trạng thái giả thuyết (complément circonstanciel de supposition).

- *Ví biết sự tình ra thế,* thì trước âu đành ở vậy thôi. (Hồ Xuân Hương)

- *Ví thử có nhiều tiền*, thì tôi đã mua cái lâu đài này.

- *Giá không có Ngân, giá thời tập kết đó, tôi không ở trong liên khu và được đi như các bạn,* chưa chắc tôi đã đi. (Nguyễn Văn Bổng).

Đối với các sinh ngữ không biến dạng như tiếng Việt chẳng hạn, bổ ngữ trạng thái còn có tác dụng thay thế các thì (temps) và các cách (modes) trong các sinh ngữ biến dạng như tiếng Pháp chẳng hạn.

Ví dụ về bổ ngữ thay thế các thì (tems):

- Nó *đã* đi = il est allé (bổ ngữ *đã* thay thế thì quá khứ trong tiếng Pháp).

- Nó *đang* đi = il va (bổ ngữ *đang* thay thế cho thì hiện tại trong tiếng Pháp).

- Nó *sẽ* đi = il ira (bổ ngữ *sẽ* thay thế thì tương lai trong tiếng Pháp).

Ví dụ về bổ ngữ thay thế các cách (modes) :

- *Bất kỳ ở đâu*, anh đừng quên tôi.

où que vous soyez, ne m' oubliez pá

- *Dù cho*, sau mười năm, *phải thấy lâu đài của*

tôi tan thành tro bụi, không chút do dự, tôi bay đi cứu nó.

Dussé-Je, aprè dix ans, voir mon palais en cendres, je ne balancerai point, je vole à son secours (Racine).

Mặc dù tôi còn khá cách xa tuổi già, những kỷ niệm, mà tôi yêu thích, đến với tôi như một quá khứ sâu thẳm.

- *Bien que je sois encore assez éloignè de la vieillesse*, ces souvenirs, que j'aime, me semblent venir d'un passé infiniment profond (France).

Trong 3 ví dụ trên đây, các bổ ngữ bằng tiếng Việt "bất kỳ ở đâu", "dù cho tôi phải thấy" và "mặc dù tôi khá cách xa..." có nội dung tương đương với "òu que vous soyez".

"Dussé – Je, voir" "Bien que je sois éloignè" vì chúng đã có hoàn toàn khả năng thay thế cách cầu khiến (mode subjonctif) trong tiếng Pháp.

3. Bổ ngữ xác định (complémentdéterminatif)

Người ta còn dùng các tính từ, các danh từ, đại từ, số từ, v.v... để nêu lên tính chất mầu sắc, hương vị, chất lượng, số lượng hay trọng lượng... nhằm xác định cho một hoặc nhiều thành phần nào đó trong câu. Ví dụ : trăng **sáng soi thẳng** vào mặt Nguyệt làm cho khuôn mặt *tươi mát ngời lên và đẹp lạ thường* (tính từ, tính ngữ được dùng làm bổ ngữ). Anh ấy đã cho tôi hai tờ *một trăm* (số từ được dùng làm bổ ngữ). Tôi đã mua cái bút này

(Định từ được dùng làm bổ ngữ). Bổ ngữ có thể là một hoặc nhiều mệnh đề dùng để xác định chủ ngữ hoặc bổ ngữ trong câu. Ví dụ :

- Người, *mà tôi giới thiệu với anh,* là một thầy thuốc nổi tiếng.

- Đó là bà, *mà chúng ta đã gặp ở Đà Lạt vào mùa thu năm 1975.*

Trong 2 ví dụ trên đây, mệnh đề "*mà tôi giới thiệu với anh*" là bổ ngữ xác định cho chủ ngữ "người" và mệnh đề "*mà chúng ta đã gặp ở Đà Lạt vào mùa thu năm 1975* - là bổ ngữ xác định cho bổ ngữ "bà".

4. Bổ ngữ ngữ điệu (complément circonstanciel d'nitonation).

Bổ ngữ ngữ điệu là loại bổ ngữ có vai trò đặc biệt quan trọng, nên sẽ được trình bầy vào một mục riêng nói về tính chất bao quát của bổ ngữ.

B. TÍNH ĐA DẠNG CỦA BỔ NGỮ.

Bổ ngữ có thể là một từ, một ngữ, một mệnh đề và có khi là cả một đoạn văn dài gồm nhiều câu được đóng ngoặc kép.

- Ví dụ về bổ ngữ là một từ : Trời *xanh*, trăng *đẹp*, đi *nhanh,* nói *chậm* v.v...

- Ví dụ về bổ ngữ là một mệnh đề :

Nó đang vẽ ảnh Bác *để tặng cho các chiến sĩ biên giới.*

Tôi yêu nó vì nó *yêu tôi.*

- Ví dụ về bổ ngữ gồm cả một đoạn văn dài được đóng trong ngoặc kép :

Hồ Chủ tịch đã nói : "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành." (đoạn văn nằm trong ngoặc kép này có chức năng làm bổ ngữ cho vị ngữ "Tôi").

Chúng tôi nghĩ rằng : "*Chỉ có độc lập, tự do mới có thể có địa vị xứng đáng cho ngôn ngữ dân tộc, chỉ có giải phóng dân tộc mới có thể xoá bỏ được sự kìm hãm của kẻ áp bức dân tộc đối với tiếng nói của dân tộc bị áp bức...*" (Cả đoạn văn trong ngoặc kép này có chức năng làm bổ ngữ cho vị ngữ "nghĩ").

C. TÍNH CƠ ĐỘNG CỦA BỔ NGỮ

Trong câu văn, bổ ngữ có thể đứng ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu. Đó là tính chất cơ động của nó. Mỗi vị trí của bổ ngữ mang một khía cạnh riêng về mặt tâm lý, về mặt tu từ của nội dung thông tin. Nó được dùng ở đầu câu,khi người ta muốn nhấn mạnh về ý nghĩa của nó, hoặc muốn thoả mãn tâm

lý của người nghe, người đọc trong một bối cảnh nhất định. Ví dụ : chỉ mới trình bầy bằng một bổ ngữ trạng thái về nguyên nhân *"Vì bà em ốm nặng, quá khát nước,* nên... một em bé hái trộm chanh không những đã được chú công an không phạt mà còn cho 10 đồng để mua chanh cho bà, sau vài lời giải thích. Trong cuộc sống, có lúc, chỉ cần biết tin trước một phần nhỏ của một giây thôi, người ta cũng đã thoả mãn lắm rồi. Cho nên hai câu *"Hôm nay* mẹ về " và "Mẹ về *hôm nay*" chứa đựng ý nghĩa thông tin khác hẳn nhau về mặt thời gian, và bổ ngữ "hôm nay" đứng ở đầu câu là để đáp ứng một cách kịp thời nhất sự đòi hỏi nóng bỏng của những người phải mong đời mẹ đã quá lâu.

Người ta còn dùng bổ ngữ ở giữa câu để biểu thị sự ngập ngừng, sự thăm dò thái độ của đối phương trước khi đưa ra một vấn đề cụ thể nào đó, và ở cuối câu để làm người đọc, người nghe nhớ lâu hơn, lưu luyến về sau hơn. Nhưng đó là những vấn đề thuộc về "tu từ học" mà chúng tôi xin miễn trình bầy ở đây.

Trong tiếng Việt, nếu bổ ngữ là một trong những trạng từ chỉ thời gian như : sớm, trưa, đêm, lúc nào, khi nào, bao giờ, v.v... thì ý nghĩa của câu văn thay đổi theo sự thay đổi về vị trí của nó trong câu.

Ví dụ:

Sớm nó dậy. Khác với nghĩa : Nó dậy sớm.

Trưa nó đi. Khác với nghĩa : Nó đi *trưa.*

Lúc nào nó đi ? (Chỉ thời gian tương lai)

Khác với nghĩa nó đi *lúc nào*? (Chỉ thời gian quá khứ).

D. TÍNH CHẤT PHONG PHÚ CỦA BỔ NGỮ VỀ TRỮ LƯỢNG TIN

Trong câu văn hạt nhân gồm có 3 thành phần chủ yếu là chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ, cũng như trong tất cả các loại câu được xây dựng nên trên nền tảng của nó, thì bổ ngữ là thành phần chứa đựng một lượng thông tin lớn hơn so với các thành phần khác trong câu.

Để chứng minh vấn đề này, chúng tôi thấy cần phải trích dẫn một số sự kiện trong cuộc sống của loài người như sau :

Một kẻ giết người đã bị bắt. Công việc đầu tiên của ngành thi hành pháp luật là phải tìm hiểu xem nó đã giết *ai ?* Giết *khi nào ?* Giết *ở đâu?* Giết như *thế nào* ? Giết *bằng phương tiện gì* ? Giết *vì nguyên nhân gì* ? Giết *với mục đích gì ? Có việc gì xảy ra song song với* việc giết ấy nữa không ? Có ai *cùng giết* không ? Giết rồi *hậu quả* ra sao cho nạn nhân, cho những người xung quanh, v.v....

Trong câu văn thì thành phần nào có đầy đủ lượng thông tin cần thiết để trả lời cho biết bao câu

hỏi được đặt ra như vậy ? Tất nhiên đó là bổ ngữ, và cũng chỉ có bổ ngữ mà thôi. Cho nên lượng thông tin mà bổ ngữ chứa đựng là vô cùng lớn. Nếu thiếu lượng tin ấy thì ngành hành pháp chưa thể xét xử được. Ví thư như chỉ mới có bổ ngữ giải đáp cho câu hỏi : "Nó đã giết ai ? "là" một nhà hiền triết"; thì, đối với nhà thi hành pháp luật, đó là một tội lỗi lớn, còn đối với nhân loại đó là một đám tang chung. Còn ví thử bổ ngữ ấy lại là "*một tên giết người khét tiếng*" thì kẻ giết người ấy lại có thể là ân nhân của xã hội cần an ninh. Hai bổ ngữ khác nhau ấy đã làm nẩy sinh ra hai tình cảm đối lập nhau : hoặc đau buồn hoặc hả dạ. Rõ ràng là cùng được dùng với một vị ngữ nhất định, hai bổ ngữ khác nhau đã có thể thay đổi tình cảm của chúng ta từ thái cực này sang thái cực khác. Và ví thử tất cả các câu hỏi đã nêu lên như trên (và có thể còn được nên thêm nhiều nữa) cũng sẽ được trả lời một cách đầy đủ bằng nhiều loại bổ ngữ thích ứng, thì lượng tin sẽ rất lớn, có khả năng thoả mãn những ai muốn tìm hiểu mọi khía cạnh tế nhị khác nhau của vụ giết người ấy.

Qua dẫn chứng trên đây, chúng ta càng thấy vai trò vô cùng quan trọng của bổ ngữ về mặt trữ lượng tin. Thiếu nó thì bất kỳ câu văn nào, lời nói nào cũng không biểu đạt được một sự thông tin cần thiết, mặc dù là tối thiểu. Ví dụ như A thông tin với B : "Nó trở thành" - Thông tin như vậy thì tốt nhất là đừng

thông tin, vì B không tài nào hiểu nổi là A định thông tin gì với nó. Viết hoặc nói như vậy thì ngôn ngữ không còn là ngôn ngữ nữa. Vì ngôn ngữ chỉ có duy nhất một mục đích là thông tin, và lượng thông tin chủ yếu lại được chưa trong bổ ngữ. Để chứng minh thêm về tính chất phong phú về trữ lượng tin của bổ ngữ, chúng tôi cho tất cả các loại bổ ngữ của các câu văn và định lý, định luật sau đây vào trong ngoặc vuông và coi như các bổ ngữ ấy đều không có mặt trong câu, xem chúng ta có thể hiểu nổi các tác giả định nói gì với chúng ta không.

Ví dụ :

- Nhiệm vụ (quan trọng bậc nhất của chúng ta) là [phát triển sản xuất, để nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân] Hồ chí Minh-NXB Sự thật 1972.

- Cái đẹp (của cảnh vật) trở nên (êm đềm, sâu sắc) Đặng Thai Mai-1959.

- Tôi (rất) thích (con chim gáy) Tô Hoài-1976.

- (Qua một điểm ở ngoài đường thẳng cho trước), ta có thể kẻ được một đường thẳng song song với đường thẳng đó, và chỉ một đường mà thôi. - Tiên đề Euclide trong hình học.

- (Nếu một vật không chịu một tác động nào của các vật khác) thì nó giữ (nguyên trạng thái đứng yên) hay (chuyển động đều). - Định luật Newton thứ nhất.

E. TÍNH TIÊN QUYẾT CỦA BỔ NGỮ

Trong câu văn, có bổ ngữ thuộc loại bổ ngữ trạng thái nguyên nhân hoặc bổ ngữ trạng thái điều kiện, thì những bổ ngữ ấy có tính chất tiên quyết đối với sự ra đời của một hoặc nhiều sự việc khác trong câu.

1. Ví dụ về tính tiên quyết của bổ ngữ trạng thái nguyên nhân :

- Vì *nó đánh tôi* nên tôi đánh nó.
- Vì ăn quá nhiều ổi xanh nên nó đau bụng.
- Khói bay khắp xóm, vì nó đốt củi tươi.

Trong 3 ví dụ trên đây : "Vì nó đánh tôi", "Vì ăn quá nhiều ổi xanh", "vì nó đốt củi tươi." là những bổ ngữ về trạng thái nguyên nhân đã quyết định sự tồn tại của "tôi đánh nó", "nó đau bụng" và "Khói bay khắp xóm".

2. Ví dụ về tính tiên quyết của bổ ngữ trạng thái điều kiện

- Tôi sẽ giúp anh, *nếu anh giúp nó*.
- *Nếu có tiền,* tôi sẽ mua một cái ôtô.
- *Nếu gặp ông ấy*, con đưa lá thư này.

Trong 3 ví dụ trên đây, "*Nếu anh giúp nó*", "*Nếu có tiền*", "*Nếu gặp ông ấy*" là những bổ ngữ trạng

thái điều kiện đã quyết định sự ra đời của các hành động "Tôi sẽ giúp anh", "Tôi sẽ mua một cái ôtô", "Con đưa lá thư này".

Rõ ràng là, với tính chất tiên quyết của chúng, các bổ ngữ về trạng thái nguyên nhân và trạng thái điều kiện là những thành phần chính, chứ không phải là thành phần phụ như quan niệm sai lệch của ngữ pháp truyền thống.

F. TÍNH CHẤT BAO QUÁT CỦA BỔ NGỮ TRẠNG THÁI NGỮ ĐIỆU

"(Complément circonstanciel d' infonation)

Định nghĩa : *Bổ ngữ trạng thái ngữ điệu là loại bổ ngữ được dùng trong các loại câu để nêu lên một trạng thái ngữ điệu nào đó của chủ ngữ và vị ngữ. Riêng trong câu hạt nhân, nếu nó có khả năng nuốt cả chủ ngữ và vị ngữ vào trong lòng nó (nuốt những không có nghĩa là nó đã tiêu diệt đi 2 thành phần kia, mà chỉ có nghĩa là 2 thành phần kia nằm trong lòng nó thôi).*

Ví dụ : với "*oe oe oe*" thì không cần thêm "bé khóc", ai cũng hiểu được là bé đang khóc. Cho nên "oe oe oe" đã cung cấp một lượng thông tin tương đương với câu trọn vẹn "*Bé khóc oe oe oe*". Và với "*gâu gâu*" thì không cần thêm "chó sủa", ai cũng hiểu được là chó sủa. Cho nên "gâu gâu" đã cung

cấp một lượng thông tin tương đương với câu trọn vẹn "*Chó sủa gâu gâu*".

Ngoài ra, chỉ với số lượng âm "oe", và với nhịp điệu cao, thấp, dài, ngắn, khác nhau của nó, các bà mẹ giàu kinh nghiệm nuôi con biết rất rõ là "bé" đang cần gì, và có thể minh hoạ ra bằng những câu trạng thái phức hợp khác nhau như : "Bé khóc *oe oe oe* vì khát nước", "Bé khóc *oe oe oe oe*, vì đói bụng", "Bé khóc *oe oe oe oe oe* vì muốn ngủ", v.v....

Giọng (giọng hát, giọng nói, giọng cười...) cũng là một loại bổ ngữ ngữ điệu. Đối với những người quen nhau, thì chỉ cần nghe giọng là biết được ai đang hát, đang nói, hoặc ai đang cười... Qua đó, chúng ta thấy rằng loại bổ ngữ ngữ điệu thể hiện ra bằng giọng cũng có khả năng nuốt 2 thành phần chủ yếu trong câu là chủ ngữ và vị ngữ. Nó là hết sức quan trọng trong trường hợp sự thông tin không thể thể hiện bằng lời được, cho nên nó được dùng làm mật lệnh, mật hiệu một cách rất hiệu nghiệm. Trong giờ giảng văn chẳng hạn, sự thay đổi giọng nói của thầy giáo cho thích hợp với nội tâm khác nhau của nhân vật trong bài giảng cũng chính là một cách dùng các bổ ngữ "giọng" khác nhau một cách thích hợp. Loại bổ ngữ này không thể hiện bằng lời nói và trên giấy, đã giúp học sinh hiểu bài dễ dàng và sâu sắc hơn là chỉ học với giáo trình.

Ghi chú:

Ở tất cả các ví dụ trong 6 mục trên đây (A, B, C, D, E, F) chúng tôi đã in bằng chữ nghiêng tất cả các loại bổ ngữ dùng trong các trường hợp khác nhau.

*

Tóm lại, bổ ngữ là thành phần chủ yếu quan trọng nhất trong câu văn. Cùng với 2 thành phần chủ yếu quan trọng khác trong câu, nó thiết lập cho chúng ta nền tảng duy nhất có thể có để chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn tiếng Việt cũng như câu văn của các sinh ngữ khác. Phải thừa nhận vai trò của nó và biết dùng nó thì mới cơ bản tránh được câu què, cụt, và bước đầu biết dùng một số dấu câu đúng chỗ, không tuỳ tiện. Tất nhiên, tác dụng của bổ ngữ còn rất là rộng lớn, khó mà nói hết được.

CHƯƠNG III

SỰ CHUẨN MỰC HOÁ VÀ CÔNG THỨC HOÁ CẤU TRÚC CÂU VĂN TRONG NGÔN NGỮ

I - CƠ SỞ CỦA SỰ CHUẨN MỰC HOÁ VÀ CÔNG THỨC HOÁ CẤU TRÚC CÂU VĂN

Để diễn đạt các nội dung thông tin khác nhau, cần có các dạng cấu trúc câu văn khác nhau.

Trong cuốn "*Bút ký triết học*", ở trang 239, Lênin có viết : "Cái riêng chỉ tồn tại trong chừng mực có liên hệ với cái chung... Bất kỳ cái riêng nào (bằng cách này hay cách khác) cũng có cái chung". Và trong cuốn "*Mác, Ăng ghen, Lênin bàn về ngôn ngữ*", ở trang 124, Stalin cũng đã viết : "Đặc tính của ngữ pháp là nó đặt ra phép đặt câu nhưng không nhằm những câu cụ thể nào nhất định, mà nói chung nhằm tất cả các câu... Vì thế, ngữ pháp lấy các điểm chung làm cơ sở".

Cái chung cho mọi câu chính là đơn vị thông báo nhỏ nhất của ngôn ngữ mà chúng tôi gọi là câu văn hạt nhân.

Căn cứ vào cấu trúc câu văn của bất kỳ sinh ngữ nào, chúng ta đều thấy và chỉ thấy có 3 loại bổ ngữ khác nhau được dùng tương ứng với 3 loại vị ngữ, và trên cơ sở đó, câu văn hạt nhân có 5 dạng như sau:

1. Với loại bổ ngữ được dùng với chủ vị ngữ (verbe couple) để nêu lên sự tương đương (hiểu theo nghĩa rộng) giữa bổ ngữ và chủ ngữ, hoặc quyền sở hữu, v.v... của chủ ngữ đối với bổ ngữ, thì câu văn hạt nhân có hai dạng:

- Dạng thứ nhất có bổ ngữ là một danh từ, đại từ, số từ hay động từ, v.v.... nêu lên nghề nghiệp, quyền sở hữu, v.v.... của chủ ngữ đối với bổ ngữ. Ví dụ : Tôi là *công nhân*, (bổ ngữ "công nhân" là nghề nghiệp của chủ ngữ "Tôi"). Nó có *5 đồng*. (Bổ ngữ "5 đồng" thuộc quyền sở hữu của chủ ngữ "Nó").

- Dạng thứ hai có bổ ngữ là một tính từ nêu lên tính chất của chủ ngữ. Ví dụ : Lao động là *vinh quang*. (Bổ ngữ "vinh quang" là tính chất của chủ ngữ "lao động").

Với loại bổ ngữ được dùng với đối tượng vị ngữ (verbe transitif), thì bổ ngữ chịu sự tác động của chủ ngữ và vị ngữ, và câu văn hạt nhân cũng có 2 dạng :

- Dạng thứ nhất có đối tượng vị ngữ không có giới

từ kèm theo sau. Ví dụ : Tôi uống nước (Đối tượng vị ngữ "uống" không có giới từ kèm theo sau).

- Dạng thứ hai có đối tượng vị ngữ có giới từ kèm theo sau. Ví dụ : Kiều bào hướng về Tổ quốc (Đối tượng vị ngữ "hướng" có giới từ kèm theo sau).

Với hai bổ ngữ được dùng cùng với trạng vị ngữ (verbe intrastif) thì bổ ngữ (trừ bổ ngữ về không gian) không chịu sự tác động của chủ ngữ và vị ngữ mà chỉ nêu lên trạng thái của chúng thôi, câu văn hạt nhân chỉ có 1 dạng. Ví dụ : Nó đi *hôm qua*. (Bổ ngữ "hôm qua" không chịu sự tác động của "Nó đi" mà chỉ nêu lên trạng thái thời gian của "Nó đi").

*

Trong cuộc sống, chúng ta vẫn gặp những thông báo dường như chỉ có 1 hoặc 2 thành phần chủ yếu. Nhưng thực chất chúng vẫn gồm đầy đủ 3 thành phần chủ yếu chỉ có điều 1 hoặc 2 thành phần đó đã được ẩn đi mà thôi. Ví dụ : Đứng trước những lời kêu la thảm thiết của một em bé mồ côi, anh A thốt lên "Não nùng", thì thực ra người nghe thu được một thông báo trọn vẹn "Cảnh tình ấy thật là não nùng !", vì người nghe dễ dàng tìm thấy chủ ngữ và vị ngữ ẩn của câu đó nhờ hoàn cảnh đau lòng đã phơi bầy sẵn ra trước mắt. Hoặc khi A nói với B "Chào" thì B cũng hiểu được là : "Tôi (A) chào anh". Khi trả lời một câu hỏi nào đó, thì thường 2 trong 3 thành phần chủ yếu của câu trả lời được

phép ẩn đi. Ví dụ : Ai đã ăn quả táo này ? - Tôi. Thực ra người hỏi đã nhận được một câu trả lời : "Tôi đã ăn quả táo".

Chúng tôi gọi những câu có 1 hoặc 2 thành phần chủ yếu được ẩn đi như trên đây là loại câu ràng buộc (phrase líec), tức là loại câu trong đó người nói hoặc viết được phép ẩn đi một số thành phần chủ yếu, mà người được thông báo vẫn hiểu một cách đầy đủ, vì họ dễ dàng tìm thấy những thành phần ẩn ấy ở một câu hoặc một hoàn cảnh cụ thể nào đó đã có sẵn trước sự ra đời của câu ràng buộc.

Loại câu mệnh lệnh cũng là một dạng của câu ràng buộc. Ví dụ : Trong khi chơi bóng, A bảo B "Đá !", thì thực ra A đã bảo B : "B đá bóng đi !".

Sự tồn tại của loại câu ràng buộc là một trong những nguyên nhân chính làm nẩy sinh ra những quan điểm sai lầm trầm trọng cho rằng câu văn có thể chỉ gồm có 1 hoặc 2 thành phần chủ yếu.

Trong tiếng Việt cũng như các thứ tiếng khác, tất cả các thông báo tối thiểu đều có thể diễn đạt bằng dạng này hay dạng khác trong 5 dạng của câu văn hạt nhân như đã trình bầy trên đây. Cho nên với 5 dạng câu này chúng ta đã có những cơ sở khoa học để đặt ra những quy tắc đầu tiên cho cách dùng dấu chấm và dấu phẩy như sau : Dấu chấm (.) được dùng ở cuối mỗi dạng trong 5 dạng của câu văn hạt nhân, tức là sau mỗi thông báo tối

thiểu. Dấu chấm cũng được phép dùng ở cuối mỗi câu ràng buộc. Còn dấu phẩy (,) được dùng trong câu hạt nhân mà 1, 2, hoặc 3 thành phần chủ yếu gồm nhiều yếu tố cùng chức năng. Ví dụ : Huệ, Lan, Đào nhảy múa, ca hát suốt cả ngày. (Ở ví dụ này, dấu phẩy đã được dùng để phân cách 3 yếu tố cùng làm chủ ngữ (Huệ, Lan, Đào) và cả 2 yếu tố cùng làm vị ngữ (nhảy múa, ca hát) trong câu).

Đến đây, trong phạm vi các thông báo tối thiểu chúng ta cũng đã có đầy đủ cơ sở khoa học để tránh được "câu què, câu cụt" tức là những câu thiếu 1 hoặc 2 thành phần chủ yếu.

*

Như chúng ta đã thấy, 5 dạng cấu trúc của câu văn hạt nhân là những chuẩn mực có khả năng đáp ứng nhu cầu của các thông báo tối thiểu khác nhau. Nhưng những quan hệ đa dạng, muôn mầu, muôn vẻ giữa người và người trong cuộc sống còn đòi hỏi phải có những thông báo đa dạng hơn những thông báo tối thiểu. Cho nên, nếu 5 dạng của câu văn hạt nhân đều đứng tách biệt thành từng câu riêng, thì không thể thoả mãn nổi nhu cầu của các thông báo trên mức tối thiểu, vì vậy, sự ra đời của những thông báo trên mức tối thiểu khác nhau, tức là sự ra đời của các loại câu khác nhau trên nền tảng của câu văn hạt nhân trở nên cần thiết. Ví dụ, trong trường hợp thông báo tối

thiểu nào đó (một câu văn hạt nhân nào đó) có một vài thành phần chủ yếu chưa được xác định rõ ràng, thì người thông báo phải dùng thêm một số từ, ngữ hoặc mệnh đề có chức năng xác định cho các thành phần chủ yếu cần được xác định trong câu, những từ, ngữ hoặc mệnh đề dùng để xác định cho thành phần chủ yếu nào đó thì được coi như hoàn toàn thuộc về thành phần chủ yếu ấy. Từ đó, có sự ra đời của loại câu đơn (phrase simple) trong ngôn ngữ. Ví dụ : trước một thông báo tối thiểu như : "Tôi đã gặp chị Hai", người nghe hỏi : "Chị Hai là người như thế nào ?". Để đáp ứng yêu cầu ấy của người nghe, bổ ngữ "chị Hai" cần được xác định bằng một số từ, ngữ hoặc mệnh dề nào đó, chẳng hạn như : "*Người phụ nữ đảm đang nhất Củ Chi*". Từ đó, ta có câu đơn : "Tôi gặp chị Hai, người phụ nữ đảm đang nhất Củ Chi".

(Đối với loại câu đơn này dấu chấm và dấu phẩy được dùng như sau: Dấu chấm được dùng ở cuối câu đơn, trong đó dấu phẩy được dùng để phân cách các thành phần xác định với thành phần chủ yếu cần được xác định thêm, hoặc để phân cách các thành phần cùng chức năng trong câu).

*

Nhận được thông báo tối thiểu "Ông Ba đánh cu Tý", bà mẹ nó lồng lên hỏi : "Đánh khi nào ? Đánh bằng gì ?" v.v... Để đáp ứng những đòi hỏi của bà

mẹ ấy, người thông báo phải tìm ra những trạng từ, trạng ngữ chỉ thời gian, về phương tiện v.v... dùng với sự việc xẩy ra, nhằm bổ nghĩa cho thông báo tối thiểu ấy. Chẳng hạn : "*Sáng hôm nay*, ông Ba đánh cu Tý *bằng một thanh tre dài*". "Sáng hôm nay" là trạng thái thời gian, và "bằng một thanh tre dài" là trạng thái phương tiện của sư việc "Ông Ba đánh cu Tý". Loại câu này được gọi là câu trạng thái đơn giản (phrase circons- tanciel simple).

(Đối với loại câu này, dấu chấm và dấu phẩy được dùng như sau : Dấu chấm được dùng ở cuối câu trạng thái đơn giản còn dấu phẩy thì để phân cách các từ, ngữ chỉ trạng thái với các thành phần cùng chức năng trong câu).

Căn cứ vào cấu trúc của nó, câu đơn cũng chỉ có 3 thành phần chủ yếu của câu hạt nhân, chỉ khác là một số trong 3 thành phần chủ yếu ấy đã được xác định thêm bằng một số từ, ngữ hoặc mệnh đề, những thành phần dùng để xác định này lại hoàn toàn thuộc về thành phần chủ yếu mà nó xác định. Và cấu trúc câu chủ yếu của câu văn hạt nhân, chỉ khác là chúng đã được bổ nghĩa thêm bằng một số từ hoặc ngữ chỉ trạng thái (như trạng thái thời gian, nguyên nhân, mục đích, điều kiện, so sánh v.v...). Rõ ràng là cấu trúc của câu đơn cũng như của câu trạng thái đơn giản đã ra đời trên nền tảng của câu hạt nhân.

Sau đây là 2 loại câu có cấu trúc bao gồm từ 2 câu hạt nhân (2 thông báo tối thiểu) trở lên được liên kết hoặc lắp ghép lại với nhau thành một câu nhằm một mục đích thông báo chung.

Ví dụ, một em bé nghèo nói với bố : "Con có tiền. Con mua ôtô !" Ông bố ngạc nhiên hỏi : "Con lấy tiền đâu ra mà mua ôtô ?" Tất nhiên là em bé nghèo này làm gì có tiền mà mua ôtô, và thực ra em muốn nói : "Nếu có tiền thì con mua ôtô", nhưng vì chưa biết sử dụng giới từ (nếu) ở đầu câu "con có tiền" nên đã diễn đạt sai ý nghĩ của mình. Hai câu hạt nhân mà em bé đã cho đứng tách riêng ra như trên, nêu lên hai sự việc có liên quan hữu cơ với nhau : "Con mua ôtô" là một sự việc hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện "con có tiền", nên sự việc "con mua ôtô" không thể đứng độc lập thành một câu được, mà nó cần liên kết với câu "con có tiền", là điều kiện tiên quyết cho việc "con mua ôtô". Nhưng, muốn liên kết 2 câu hạt nhân ấy thành một câu, thì cần phải biết chọn một giới từ thích hợp rồi đặt nó ở đầu câu "con có tiền" nhằm tạo nên một mệnh đề trạng thái có chức năng làm điều kiện tiên quyết cho sự việc "con mua ôtô", thì mới có khả năng diễn đạt được một cách trung thành với ý nghĩ có thật trong đầu mình. Từ sự liên kết này của 2 câu hạt nhân bằng cặp giới liên từ nếu... thì... chúng ta có câu : "Nếu con có tiền, thì con mua ôtô". Loại câu này được gọi là câu trạng thái phức hợp (phrase circonstanciel composée).

(Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với loại câu này là : Dấu chấm được dùng ở cuối mỗi câu trạng thái phức hợp, trong đó dấu phẩy dùng để phân cách "mệnh đề trạng thái", hoặc các mệnh đề cùng chức năng hay khác chức năng trong câu).

*

Một lớp trưởng đã viết một báo cáo gửi lên thầy giáo về sở thích của các bạn cùng lớp như sau :

- A thích chơi bi. B thích đánh bóng bàn. C thích đá bóng v.v...

Trên đây là 3 thông báo tối thiểu dưới dạng của 3 câu hạt nhân đứng độc lập thành 3 câu riêng biệt, không phụ thuộc vào nhau. Nhưng đối với trường hợp này thì 3 thông báo tối thiểu ấy lại nằm chung trong một bản báo cáo về các sở thích khác nhau của học sinh trong lớp. Vì lẽ đó, sở thích riêng của mỗi học sinh chỉ là một bộ phận của toàn bộ các sở thích khác nhau trong lớp. Cho nên mỗi thông báo tối thiểu về sở thích riêng của A, B hoặc của C chỉ là một bộ phân của thông báo (báo cáo) chung của lớp, thì các thông báo bộ phận ấy phải được lắp ghép lại với nhau, tức là các câu hạt nhân đứng độc lập như trên phải được ghép lại thành một câu như : A thích chơi bi; B thích đánh bóng bàn; C thích đá bóng. Loại câu này được gọi là câu ghép (phrase assemblée).Và mỗi câu hạt nhân khi đã nằm trong câu ghép, thì được gọi là "mệnh đề

bình đẳng liên kết" (proposition indépendante coordonnée).

Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với loại câu này là : Dấu chấm được dùng ở cuối mỗi câu ghép, trong đó dấu phẩy dùng để phân cách các "mệnh đề bình đẳng liên kết", và cũng chỉ trong trường hợp ấy mà thôi.

*

Cuối cùng, chúng tôi đề cập đến loại câu hỗn hợp (phrase mélangée), tức là loại câu có một hoặc nhiều vị ngữ cảm nghĩ, và bổ ngữ của nó, đứng đầu các vị ngữ cảm nghĩ ấy và sau dấu hai chấm có khi còn kèm thêm cả từ "rằng" hay "là", có thể gồm có một hay nhiều mệnh đề, một hay nhiều câu, hoặc cả một đoạn văn dài nằm trong ngoặc kép (khi chúng được trích theo nguyên văn). Bổ ngữ phức hợp của loại câu này cần được hiểu theo chức năng của nó, và khi nó đã được hiểu theo chức năng rồi, thì nó phải được coi như là một bổ ngữ bình thường và do đó, câu hỗn hợp sẽ có dạng của một trong các dạng câu đã trình bầy trên đây.

Ví dụ về câu hỗn hợp "Người xưa đã nói : "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" (Đoạn văn nằm trong ngoặc kép này có chức năng làm bổ ngữ cho vị ngữ "nói").

*

Căn cứ vào cấu trúc của các loại câu khác nhau như đã trình bầy ở trên đây, chúng ta thấy rằng :

- Câu hạt nhân là loại câu gồm có 3 thành phần chủ yếu (chủ ngữ, vị ngữ, và bổ ngữ) và tồn tại dưới 5 dạng khác nhau.

- Câu đơn là câu hạt nhân có một số thành phần chủ yếu được xác định thêm bằng một số từ, ngữ hay mệnh đề, nhưng những từ ngữ hay mệnh đề xác định cho thành phần chủ yếu nào thì hoàn toàn thuộc về thành phần chủ yếu cần được xác định ấy.

- Câu trạng thái đơn giản cũng là câu hạt nhân được bổ nghĩa thêm bằng một số từ, ngữ chỉ trạng thái.

- Câu trạng thái phức hợp và câu ghép là hai loại câu được cấu tạo từ nền tảng ít nhất là 2 câu hạt nhân (hoặc câu đơn hay câu trạng thái đơn giản) được liên kết hoặc lắp ghép lại với nhau thành một câu nhằm một mục đích thông báo chung:

- Câu phức hợp, cũng có dạng của một trong các dạng câu đã trình bầy trên đây, sau khi bổ ngữ của nó được hiểu theo chức năng của nó.

Tóm lại, cấu trúc của mọi loại câu khác nhau trong ngôn ngữ đều được xây dựng trên nền tảng của câu văn hạt nhân, và sự đặt tên như vậy cho nó đã bắt nguồn từ chính vai trò nền tảng ấy. Nói một cách khác, một câu văn nào đó, mặc dù dài đến đâu, phức tạp đến đâu, thì cũng chỉ gồm có

những câu văn hạt nhân (hoặc câu đơn hay câu trạng thái đơn giản) gắn hợp với nhau trong một mục đích thông báo nào đó mà thôi.

Rõ ràng là giữa các nội dung thông báo khác nhau của ngôn ngữ và các dạng cấu trúc câu văn vẫn có sự tương ứng 1-1. Cho nên khi mà câu văn hạt nhân (tồn tại dưới 5 dạng khác nhau) và các dạng câu khác đã công thức hoá được áp dụng rộng rãi cho các sinh ngữ, thì chúng ta sẽ có một sự thống nhất về dạng cấu trúc câu [1]. Sự giống nhau này là một tồn tại khách quan, vì mục đích chung của tất cả các sinh ngữ cũng là tồn tại khách quan.

---

[1] Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến sự thống nhất về dạng cấu trúc câu thôi, còn đối với các thành phần trong câu, thì do nếp suy nghĩ của dân tộc này có chỗ khác với dân tộc kia, nên trật tự của chúng ở trong câu của sinh ngữ này có chỗ khác với sinh ngữ kia. Ví dụ: Ở tiếng Việt "mũ của tôi", thì ở tiếng Pháp, tiếng Anh lại là "của tôi mũ". Ở tiếng Việt " Áo đỏ, áo xanh" thì ở tiếng Pháp, tiếng Anh lại là "đỏ áo, xanh áo" v.v...

II - ĐỊNH NGHĨA, SƠ ĐỒ VÀ VÍ DỤ VỀ CẤU TRÚC CÂU VĂN CỦA TIẾNG VIỆT ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN MỰC HOÁ VÀ CÔNG THỨC HOÁ

A. Cấu trúc câu văn hạt nhân

Định nghĩa : *Câu văn hạt nhân là đơn vị thông báo nhỏ nhất của ngôn ngữ.*

Căn cứ vào định nghĩa ấy, câu văn hạt nhân phải gồm có 3 thành phần chủ yếu là : Chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ.

Ghi chú 1 : " Đơn vị thông báo nhỏ nhất" được nêu lên ở đây theo định nghĩa là, dù trong trường hợp đặc biệt đến như thế nào đi chăng nữa (trong lời nói, văn viết hay cử chỉ, điệu bộ) thì tất cả những thông báo tối thiểu đều có thể diễn đạt được bằng một trong 5 dạng của câu văn hạt nhân. (Xem sơ đồ trang 66).

Tuỳ theo mục đích thông báo đối với từng trường hợp nhất định, câu văn hạt nhân có thể giữ nguyên cơ cấu cơ bản đầu tiên của nó tồn tại dưới 5 dạng khác nhau như ở sơ đồ ở trang 66, hoặc chuyển qua dạng mà một, hai hay cả ba thành phần chủ yếu của nó được phát triển lên thành từng cụm : cụm chủ ngữ, cụm vị ngữ, cụm bổ ngữ.

Sau đây là sơ đồ và ví dụ về dạng cấu trúc ấy:

Sơ đồ : Trong sơ đồ dưới đây thì 1, m và n là các số tự nhiên nào đó.

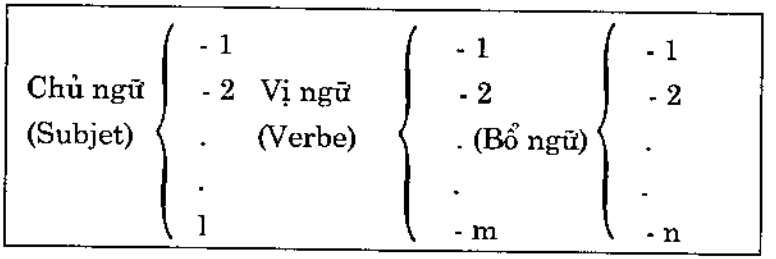

Ví dụ :

- Ví dụ về câu văn hạt nhân có chủ ngữ do nhiều yếu tố tạo nên :

Huệ, Lan, Đào cày · ruộng.

- Ví dụ về câu văn hạt nhân có vị ngữ do nhiều yếu tố tạo nên :

Huệ cày, bừa, cuốc ruộng.

- Ví dụ về câu văn hạt nhân có bổ ngữ do nhiều yếu tố tạo nên :

Huệ cày ruộng, rãy, vườn.

- Ví dụ về câu văn hạt nhân, trong đó mỗi thành phần chủ yếu của nó đều do nhiều yếu tố tạo nên :

Huệ. Lan, Đào cày, bừa, cuốc, xới ruộng, rẫy, và vườn.

Sơ đồ về 5 dạng của câu văn hạt nhân

Dạng câu thứ nhất	CHỦ NGỮ (Subjet)	CHỦ VỊ NGỮ (verbe copule)	BỔ NGỮ (attribut) là một danh từ, đại từ
Dạng câu thứ hai	CHỦ NGỮ (Subjet)	CHỦ VỊ NGỮ (verbe copule)	BỔ NGỮ (attribut) là một tính từ
Dạng câu thứ ba	CHỦ NGỮ (Subjet)	ĐỐI TƯỢNG VỊ NGỮ *Không có giới từ đi kèm theo sau* (verbe transi tif non sui vi de préposition)	BỔ NGỮ ĐỐI TƯỢNG (complément d'objet)
Dạng câu thứ tư	CHỦ NGỮ (Subjet)	ĐỐI TƯỢNG VỊ NGỮ *Có giới từ đi kèm theo sau* (verbe transi tif non sui vi de préposition)	BỔ NGỮ ĐỐI TƯỢNG (complément d'objet)
Dạng câu thứ năm	CHỦ NGỮ (Subjet)	Trạng vị ngữ [1] (verbe intranstif)	BỔ NGỮ TRẠNG THÁI (complément circon tanciel)

* Xem ví dụ về 5 dạng của câu văn hạt nhân ở phần A chương III.

---

[1] Thực tế thì trong ngôn ngữ chỉ có 2 loại động từ (vị ngữ) chính là chủ động từ (chủ vị ngữ = verbe copule) và đối tượng vị ngữ = verbe transitif) mà thôi. Nhưng, vì nội dung của đơn vị thông tin nhỏ nhất, tức là câu văn hạt nhân tồn tại dưới 5 dạng khác nhau và gồm có 3 thành phần chủ yếu là chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ lại có loại bổ ngữ trạng thái khong chịu sự tác động của chủ ngữ và vị ngữ, nên đối tượng vị ngữ mới được đặc cách dùng như là trạng vị ngữ. Và cũng chỉ trong trường hợp như vậy mà thôi, vì ngoài chủ động từ (chủ vị ngữ) ra, không có động từ (vị ngữ) nào là không nêu lên một sự tác động của chủ ngữ và vị ngữ, đối với bổ ngữ trong câu. Ví dụ : "*Tôi đi Huế*". "Bom *nổ ở đảo X*", chẳng hạn, thì Huế nhất thiết phải chịu sự tác động ít nhất của đôi chân đi của tôi, và đảo X nhất thiết phải bị bom tác động.

B. Câu đơn

1. Định nghĩa về câu đơn :

Câu đơn là loại câu được phát triển trên nền tảng của câu hạt nhân bằng cách sử dụng những đơn vị từ vựng nhằm xác định cho một vài thành phần chủ yếu của câu hạt nhân đó.

Từ định nghĩa trên, chúng ta thấy rằng các từ, ngữ hay mệnh đề được phát triển thêm nhằm xác định cho một thành phần chủ yếu (chủ ngữ, bổ ngữ) của câu là hoàn toàn thuộc về nội tại của thành phần chủ yếu ấy mà thôi.

2. Định nghĩa về mệnh đề trong câu :

Mệnh đề trong câu đơn là thành phần có dạng của một câu hạt nhân. Nó có thể làm chủ ngữ hoặc bổ ngữ của câu đơn, và cũng có thể là thành phần chủ yếu nào đó của câu.

3. Sơ đồ tổng hợp về câu đơn:

Chủ ngữ + thành phần xác định	Vị ngữ	Bổ ngữ + thành phần xác định

Trong sơ đồ trên, các thành phần dùng để xác định cho chủ ngữ và bổ ngữ chủ yếu của câu có thể là từ, ngữ hay mệnh đề.

4. Các dạng chủ yếu của câu đơn.

Có mấy dạng chủ yếu của câu đơn sau :

a) Dạng thứ nhất : Chủ ngữ của câu đơn được xác định thêm, chú thích thêm bằng một số từ, ngữ có ý nghĩa tương đương với thành phần cần được xác định. Sơ đồ và ví dụ về chủ ngữ được xác định thêm những từ, ngữ.

* Sơ đồ :

Chủ ngữ + từ, ngữ dùng để xác định cho chủ ngữ	Vị ngữ	Bổ ngữ

* Ví dụ:

Anh Ba, người bạn thân của tôi, là một bác sĩ tận tuỵ.

b) Dạng thứ hai : Bổ ngữ của câu đơn được xác định thêm, chú thích thêm bằng một từ, ngữ tương đương với thành phần cần được xác định.

Sơ đồ và ví dụ về bổ ngữ được xác định thêm bằng những từ. ngữ :

* Sơ đồ

Chủ ngữ	Vị ngữ	Bổ ngữ + từ ngữ dùng để xác định cho bổ ngữ

* Ví dụ :

Tôi đã gặp chị Hai, người phụ nữ đảm đang nhất Củ Chi

c) Dạng thứ ba : Chủ ngữ của câu đơn là một mệnh đề.

* Sơ đồ:

Chủ ngữ là 1 mệnh đề	Vị ngữ	Bổ ngữ

*Ví dụ:

Nó làm như vậy là đúng.

d) Dạng thứ tư : Chủ ngữ của câu đơn được xác định bằng một hoặc nhiều mệnh đề xác định (complément detrminatif).

* Sơ đồ:

Chủ ngữ + mệnh đề xác định	Vị ngữ	Bổ ngữ

* Ví dụ :

Người mà em yêu quý nhất, là anh.

e) Dạng thứ năm : Bổ ngữ của câu đơn là một mệnh đề.

*Sơ đồ:

Chủ ngữ	Vị ngữ	Bổ ngữ là 1 mệnh đề

* Ví dụ :

Tôi được biết anh A đã đạt thành tích cao trong đợt thi đua này.

f) Dạng thứ sáu : Bổ ngữ của câu đơn được xác định bằng một hoặc nhiều mệnh đề :

*Sơ đồ

Chủ ngữ	Vị ngữ	Bổ ngữ + mệnh đề xác định

* Ví dụ :

Đó là người *mà anh đã gặp.*

Ghi chú 1: Trong các sinh ngữ, tồn tại loại câu có chủ ngữ hay bổ ngữ (hoặc cả hai) là những mệnh đề có dạng của một câu hạt nhân. Thực chất loại câu này (như ở các dạng thứ 2 và thứ 4 trên đây) và loại câu có mệnh đề xác định (như ở các dạng thứ 3 và thứ 5 trên đây) cho chủ ngữ hoặc bổ ngữ là một bởi vì chúng ta có thể thấy các mệnh đề làm chủ ngữ hoặc bổ ngữ ấy bằng chủ ngữ hoặc bổ ngữ có mệnh đề xác định ấy và giữ chức năng là chủ ngữ hoặc bổ ngữ trong câu.

Ghi chú 2 : Trong các sinh ngữ đã tương đối ổn định, thường người ta dùng mệnh đề xác định cho chủ ngữ hoặc bổ ngữ (như ở dạng thứ tư và thứ sáu của câu đơn trên đây) thay cho cách dùng mệnh đề làm chủ ngữ hoặc bổ ngữ, bằng cách dùng đại liên từ (pronoms relatifs) thích hợp (như qui, que, quoi,

dont...) cho mỗi mệnh đề xác định. Trong ngôn ngữ Việt Nam, sự phủ nhận vai trò của đại liên từ trong câu, rồi không dùng đại liên từ "mà" với hai chức năng khác nhau là chủ ngữ hoặc bổ ngữ, nhiều khi đã dẫn đến những thông báo thiếu chính xác.

Tuy nhiên, cách dùng mệnh đề làm chủ ngữ và bổ ngữ nhiều khi cũng có ưu điểm là làm cho câu văn được nhẹ nhàng mà vẫn chính xác. Ví dụ : Anh ấy là người đã yêu tôi. (bổ ngữ là mệnh đề).

Em chăm đọc sách như vậy là một sự tiến bộ. (chủ ngữ là 1 mệnh đề).

Sau đây là ví dụ về đại liên từ "mà", "do" được dùng với chức năng là chủ ngữ hoặc bổ ngữ trong câu :

*) Đại liên từ " mà" được dùng làm chủ ngữ.

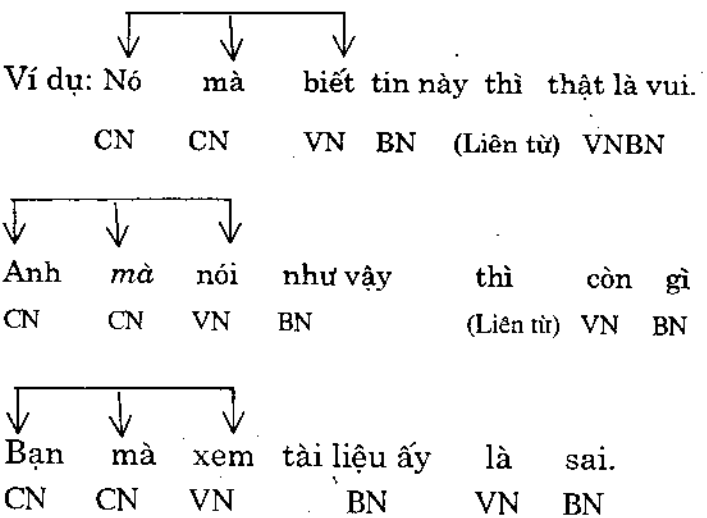

*)Đại liên từ "mà" và "do" được dùng làm bổ ngữ.

Ví dụ:

- Những học sinh, *mà* anh đã đào tạo, làm việc rất tốt.

CN BNCN VN VN BN

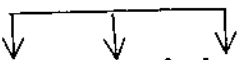

- Tôi thích bài thơ *mà* anh đang chép.

CN VN BN BN CN VN

- Thực tiễn chứng minh rằng đường lối cách mạng XHCN và đường lối xây dựng nền kinh tế XHCN *do* Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra cũng như mục tiêu và chính sách lớn cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ *do* Đại hội lần thứ V của Đảng xác định là đúng.

Hai từ "mà" và "do" được dùng ở vị dụ trên đây là hai đại liên từ, chứ không phải là "Kết từ", "liên từ" như một số nhà ngữ pháp Việt Nam quan niệm. Chúng là những từ đại diện cho những danh từ, đại từ đứng ngay trước chúng là : *nó, anh, bạn, người, những học sinh, bài thơ, đường lối xây dựng, mục tiêu và chính sách...* và giữ chức năng làm chủ ngữ hay bổ ngữ cho các đối tượng vị ngữ đứng sau chúng và thuộc về mệnh đề xác định trong câu. Các đối tượng vị ngữ đó là : *biết, nói, xem, đào tạo, chép, vạch ra xác định.*

Tất nhiên "mà" và "do" còn được dùng như là liên từ "kết từ" ở một số trường hợp khác.

C. Câu trạng thái

Định nghĩa: *Câu trạng thái là loại câu nêu lên một trạng thái nào đó của một hoặc nhiều sự việc.*

Những trạng thái trong định nghĩa trên có thể nêu lên : thời gian, cách thức, nguyên nhân, mục đích, hậu quả, điều kiện, giả thiết, so sánh, đối lập...

Câu trạng thái gồm có 2 loại : câu trạng thái đơn giản và câu trạng thái phức hợp.

1. Câu trạng thái đơn giản.

Định nghĩa: *Câu trạng thái đơn giản là một loại câu hạt nhân (hoặc câu đơn giản) được mở rộng thêm bằng một hoặc nhiều từ, ngữ, nhằm nêu lên một trạng thái nào đó của sự việc do câu hạt nhân (hoặc câu đơn) đó nêu lên.*

Sau đây là những sơ đồ chủ yếu và ví dụ về câu trạng thái đơn giản :

a) Câu trạng thái đơn giản có từ, ngữ chỉ trạng thái đứng ở đầu câu.

*) Sơ đồ:

Từ, ngữ chỉ trạng thái	Câu hạt nhân (hoặc câu đơn)

*)Ví dụ :

Vì tổ quốc, anh ấy đã hy sinh cả cuộc đời.

b) Câu trạng thái đơn giản có từ, ngữ chỉ trạng thái đứng ở cuối câu :

*) Sơ đồ :

Câu hạt nhân (hoặc câu đơn)	Từ, ngữ chỉ trạng thái

*) Ví dụ :

Tôi đã gặp nó *hôm qua.*

c) Câu trạng thái đơn giản có những từ, ngữ đứng ở đầu và cuối câu

*)Sơ đồ:

Từ, ngữ chỉ trạng thái	Câu hạt nhân (hoặc câu đơn)	Từ ngữ chỉ trạng thái

*) Ví dụ:

Mấy năm gần đây chúng ta đã có những tiến bộ quan trọng *trong ngành giáo dục.*

d) Câu trạng thái đơn giản có từ, ngữ chỉ trạng thái đứng giữa câu hạt nhân (hoặc câu đơn).

*) Sơ đồ

Phần đầu của câu hạt nhân (hoặc câu đơn) bị cắt	Từ, ngữ chỉ trạng thái	Phần cuối của câu hạt nhân (hoặc câu đơn) bị cắt

*) Ví dụ

Con người *qua cách mạng* có một bước phát triển.

Việt Nam *XHCN* về chất

Ghi chú : Ngoài 4 dạng chủ yếu như trên, câu trạng thái đơn giản còn có những dạng tổng hợp của các dạng chủ yếu ấy, và cũng chỉ có thể có thế mà thôi.

2. Câu trạng thái phức hợp

Định nghĩa: *Câu trạng thái phức hợp là loại câu được tạo nên bằng sự phối hợp của một hoặc nhiều câu hạt nhân (hoặc câu đơn) nêu lên một hoặc nhiều sự việc nào đó với một hoặc nhiều câu hạt nhân (hoặc câu đơn) khác có giới từ thích hợp đứng trước nhằm nêu lên trạng thái nào đó của một hoặc nhiều sự việc trên.*

Trong mỗi câu trạng thái phức hợp, câu hạt nhân (hoặc câu đơn) có giới từ đứng ở đầu câu được gọi là "mệnh đề trạng thái " và câu hạt nhân (hoặc câu đơn) nêu lên sự việc (không có giới từ đứng ở đầu câu) được gọi là "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái".

Ghi chú 1 : Trong định nghĩa trên đây và các sơ đồ sau đây về câu trạng thái phức hợp còn có thể có sự tham gia của các từ ngữ chỉ trạng thái, nhưng để tránh cồng kềnh, chúng tôi không cho vào.

Ghi chú 2 : Trong sự phối hợp giữa hai mệnh đề kể trên trong câu trạng thái phức hợp, thì mệnh đề trạng thái thường có một lượng thông tin quan trọng hơn lượng thông tin do "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái" cung cấp.

Ghi chú 3: Đối với loại câu trạng thái phức hợp này, nếu chúng ta bỏ "mệnh đề trạng thái" đi, thì "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái" vẫn đứng độc lập được như một câu hạt nhân (hoặc câu đơn), còn nếu chúng ta bỏ "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái" đi, thì "mệnh đề trạng thái" không thể đứng độc lập được vì nó tồn tại để bổ nghĩa về trạng thái cho sự việc được nêu trong mệnh đề kia mà thôi. Còn xét về lượng thông tin, thì lượng thông tin do mệnh đề trạng thái biểu đạt thường lại quan trọng hơn lượng thông tin do mệnh đề kia cung cấp.

Sau đây là những sơ đồ chủ yếu và ví dụ về loại câu trạng thái phức hợp, trong đó "mệnh đề trạng thái" được viết tắt là "MĐTT", "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái", được viết tắt là "MĐC.Đ.B.N.V.T.T", m và n là những số tự nhiên nào đó.

a) Sơ đồ và ví dụ về câu trạng thái phức hợp có "mệnh đề trạng thái" đứng ở đầu câu:

*) Sơ đồ:

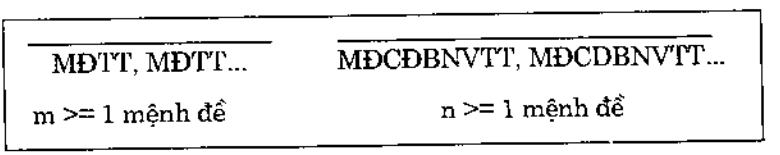

*) Ví dụ :

Nếu anh đánh nó (thì) tôi sẽ đánh anh.

b) Sơ đồ và ví dụ về câu trạng thái phức hợp có mệnh đề trạng thái đứng ở cuối câu:

*) Sơ đồ:

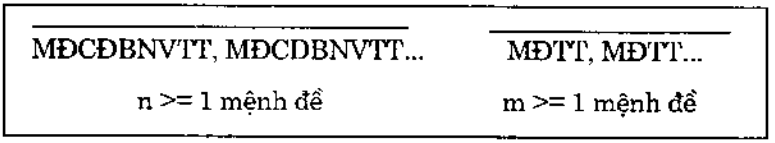

*) Ví dụ:

Tôi sẽ đánh anh *nếu anh đánh nó.*

c) Sơ đồ và ví dụ về trạng thái phức hợp có mệnh đề trạng thái đứng ở đầu câu và cuối câu:

*) Sơ đồ:

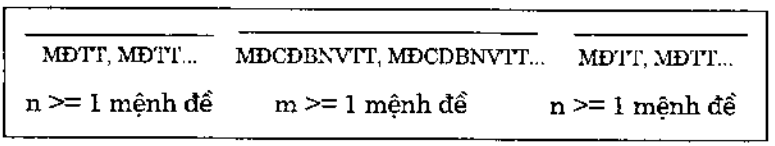

*)Ví dụ

Giương cao ngọn cờ hoà bình của Lênin vĩ đại, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đã và đang theo đuổi một chính sách nhất quán *nhằm làm dịu tình hình Quốc tế, giữ vững hoà bình, ngăn chặn thảm hoạ hạt nhân.*

d) Câu trạng thái phức hợp có mệnh đề trạng thái đứng giữa mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái.

*)Sơ đồ:

Phần đầu của MĐCĐBNVTT bị cắt	MĐTT, MDTT...	Phần cuối của MDCDBNVTT bị cắt

*) Ví dụ:

Người thanh niên, như Bác đã dậy, phải luôn luôn
tự hỏi mình xem
đã cống hiến
những gì cho XH

Ngoài những dạng chủ yếu như trên câu trạng thái phức hợp còn có những dạng tổng hợp của các dạng chủ yếu ấy, và cũng chỉ có thể có thế mà thôi.

Ghi chú 1 :

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thông báo về một trạng thái nào đó, chúng ta đã đặt giới từ thích hợp ở đầu mỗi mệnh đề (xem câu trạng thái phức hợp trên đây). Đó là một biện pháp được áp dụng trong các sinh ngữ nói chung. Riêng đối với các sinh ngữ biến dạng như tiếng Pháp chẳng hạn, ngoài biện pháp kể trên, có khi người ta dùng vị ngữ của "mệnh đề trạng thái" ở "cách động tích từ ở thì hiện tại hoặc quá khứ" (moed participe au temps present ou passé), nhưng cũng chỉ nhằm chủ yếu lên trạng thái đồng thời (circonstance de simultáenité temporelle), trạng thái nguyên nhân (circóntace de cause) và trạng thái cách thức

(circonstance de maniere).

a) Ví dụ về trạng thái nguyên nhân (circonstance de cause).

- Je prends ce sytlo, n'en trouvant pá d'autre (thì hiện tại) (parce que je n'en trouve pá d'autre).

Tôi lấy cái bút máy này, *vì tôi không tìm thấy cái khác* (thì hiện tại).

J'ai prí ce stylo, n'en ayant pá trouvé d'autre (thì quá khứ).

Tôi đã lấy cái bút này *vì tôi đã không tìm thấy cái khác* (thì quá khứ).

b) Ví dụ về trạng thái đồng thời (circonstance de simultanéité tempore le).

- Il lit (hoặc líait) le nhân dân. en passant par là (pendant qu'il passe (hoặc passait) par là).

Nó đọc (hoặc đã đọc) báo Nhân Dân trong khi đi qua đó.

Trong ngôn ngữ Việt Nam hiện nay, để nêu lên trạng thái đồng thời và trạng thái cách thức, người ta cũng có dùng những câu trạng thái phức hợp, trong đó nêu các mệnh đề cùng có chung một chủ ngữ, thì chủ ngữ ở những mệnh đề trạng thái được ẩn đi như sau:

Ví dụ:

Nắm vững bản chất của cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng ta đề ra đường lối

đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ, giải quyết thành công nhiều vấn đề về chiến lược và chiến thuật phương pháp cánh mạng và nghệ thuật chiến tranh trong 1 giai đoạn lịch sử đặc biệt của nước ta.

Ghi chú 2:

Giới từ là một loại từ không đứng độc lập : nó phải kết hợp với một từ, một ngữ hoặc mệnh đề nêu lên một trạng thái nào đó, như : trạng thái thời gian, trạng thái nguyên nhân, v.v...Các giới từ thường dùng là ;

- Giới từ chỉ thời gian : trước, sau, vào, về, gần . từ... đến
- Giới từ chỉ địa điểm : tại, ở, trên dưới, trong ngoài, trước, sau, cạnh, gần xa, dọc...
- Giới từ chỉ nguyên nhân ; vì, do, tại, bởi...

D. Câu ghép

1. Định nghĩa về câu ghép.

Câu ghép là một câu được tạo nên bởi sự lắp ghép của hai hoặc nhiều câu hạt nhân hoặc câu đơn (hoặc câu trạng thái đơn hay phức hợp) được gọi là mệnh đề trong câu ghép. Mỗi mệnh đề ấy có một nội dung riêng, nhưng chúng lại có liên quan với nhau trong một mục đích thông báo chung.

2. Định nghĩa về mệnh đề bình đẳng liên kết (propo -sitionss indépendantes coordonées) trong câu ghép.

Mệnh đề bình đẳng liên kết có thể đứng độc lập như một câu hạt nhân (hoặc câu đơn hay phức hợp). Nhưng, vì nó có liên quan với một hoặc nhiều câu hạt nhân (hoặc câu đơn) khác nhằm một mục đích thông tin chung, nên chúng được kết hợp với nhau trong một câu ghép, và lấy tên là mệnh đề bình đẳng liên kết

Sau đây là sơ đồ và ví dụ về câu ghép trong đó "mệnh đề bình đẳng liên kết" viết tắt là "MĐBĐLK" và n là số tự nhiên nào đó.

a) Sơ đồ:

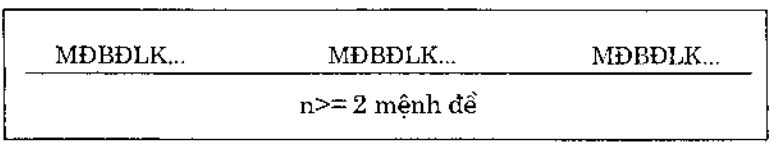

b) Ví dụ

- Em tin ở anh; bố mẹ chờ đợi nhiều ở em

E. Câu hỗn hợp

Trong ngôn ngữ, còn có loại câu nữa ,mà chúng tôi gọi là câu hỗn hợp. So với các câu khác, thì nó có khác về dạng, nhưng không khác về bản chất.

1. Định nghĩa về câu hỗn hợp

Câu hỗn hợp là loại câu có một hoặc nhiều "vị ngữ cảm nghĩ" và bổ ngữ của một hay nhiều mệnh đề, một hay nhiều câu, hoặc cả một đoạn văn, bài văn dài nằm trong ngoặc kép (khi trích nguyên văn).

Chú ý :

Sau các vị ngữ cảm nghĩ, thường người ta hay dùng 2 liên từ "rằng" hoặc "là" kèm với dấu hai chấm.

Nếu bổ ngữ phức tạp trong loại câu hỗn hợp được hiểu theo chức năng của nó và được coi như là một bổ ngữ bình thường, thì câu hỗn hợp sẽ có dạng của một trong những dạng câu đã được công thức hoá trên đây.

2. Ví dụ về câu hỗn hợp:

Một văn sĩ đã viết : "*Đã sinh ra ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông*" (đoạn văn nằm trong ngoặc kép này có chức năng làm bổ ngữ cho vị ngữ viết).

Ghi chú:

Trong việc phân tích về cấu trúc của các loại câu : câu văn hạt nhân, câu đơn, câu trạng thái, câu ghép và câu hỗn hợp ở các mục trên đây, chúng tôi chỉ mới đề cập đến các thành phần chủ yếu, chứ chưa đề cập đến các thành phần phụ như sau : thành phần nối tiếp (ví dụ : và rồi, cùng, với, hay, vả lại...), thành phần cầu khiến (ví dụ : Hãy, đừng, chớ...) v.v...

Chúng tôi cũng chưa đề cập đến các thể khác nhau của câu văn, như thể phủ định, thể nghi vấn, thể cảm thán... vì chúng tôi nghĩ rằng, khi mà chúng ta đã nắm và phân tích được các thành

phần chủ yếu trong các dạng câu ở thể khẳng định rồi, thì việc nắm được vị trí, chức năng của các thành phần phụ và cấu trúc câu ở các thể khác cũng không còn là điều khó khăn nữa.

Sự chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn, như chúng tôi đã trình bầy ở trên, là cơ sở khoa học duy nhất có thể giúp chúng ta cơ bản tránh được "câu què, câu cụt". Vì, khi mà chúng ta biết rằng một nội dung thông báo nhỏ nhất tức là câu văn hạt nhân phải gồm có 3 thành phần chủ yếu là chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ, thì làm sao lại có thể ngừng lời trong khi nói hoặc dùng dấu chấm trong khi viết ở sau thành phần chủ yếu thứ nhất hoặc thành phần chủ yếu thứ hai của câu. Nhất thiết là chúng ta chỉ được phép ngừng lời nói hoặc dùng dấu chấm sau thành phần chủ yếu thứ ba. Đã biết được như vậy rồi, thì không còn lý do nào để nói hoặc viết với một thành phần chủ yếu như "chúng ta", "Tôi", "Gia đình này", "Nhân dân ta" v.v... Với những lời như vậy, với những câu văn như vậy, thì người nghe hoặc người đọc coi như chưa nhận được một tin tức nào cả, vì điều cần được thông báo lại là "Chúng ta", "Tôi", "Gia đình này" hoặc "nhân dân ta" như thế nào, đang làm gì, v.v... Và cũng sẽ không còn lý do để nói hoặc viết với những lời hoặc những " câu" chỉ gồm có 2 thành phần chủ yếu là chủ ngữ và vị ngữ như: "Tôi ăn", "Nó là", "Anh ấy trở thành", và "tôi ăn "nhưng

ăn gì ? "Nó là" nhưng nó là ai? Là như thế nào? v.v... thì đó mới là những điều kiện cần được thông báo. Chúng ta không được phép ngừng lời hoặc dùng dấu chấm sau 2 thành phần chủ yếu như vậy, vì chúng chưa thông tin gì cả, vì bất kỳ một nội dung thông báo tối thiểu (tức là câu hạt nhân) nào cũng phải gồm có 3 yếu tố chính (tức là 3 thành phần chủ yếu). Lại còn một loại "câu què, câu cụt"khá phổ biến hiện nay như "*nếu* anh đến tôi", "*nếu* nó đánh tôi", "*Ví thử* tôi gặp ông ấy" v.v... Viết hoặc nói như vậy là đã không biết rằng các giới từ *nếu* và *ví thử* đã kết hợp với "anh đến tôi", "nó đánh tôi", "tôi gặp ông ấy" tạo nên 3 mệnh đề trạng thái có chức năng làm bổ ngữ trạng thái cho những sự việc tiếp theo trong câu, mà những sự việc tiếp theo ấy thì lại không được tác giả nêu lên ! Và do đó, người nghe, người đọc coi như chưa được thông tin gì cả. Vâng, cũng do không nắm được chức năng của giới từ trong câu, nên lại còn tồn tại một loại "câu què, câu cụt" khá trầm trọng và phổ biến như "Qua hội nghị thấy rằng...", "Qua hoàn cảnh thấy chị ấy là tận tuỵ với chồng, con" v.v...Các tác giả ấy không biết rằng "*qua*" là một giới từ đã kết hợp với từ hội nghị để tạo thành một trạng ngữ có chức năng làm bổ ngữ trạng thái cho vị ngữ "thấy" trong câu đó mà thôi. Một câu như vậy chưa biểu đạt được nội dung thông tin cụ thể, vì "qua hội nghị thấy...", "Qua hoàn cảnh thấy..." nhưng ai thấy? Tác giả có thể thấy được

điều gì đó, những anh hoặc tôi và một số người khác nữa đều không thấy được như tác giả thì sao ? Một câu văn nhất thiết phải có chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ, trừ loại câu ràng buộc (Xem loại bổ ngữ trạng thái ở chương II và câu trạng thái ở chương này).

"Câu què, câu cụt" là một tệ nạn khá trầm trọng. Nó tác hại đến sự trong sáng của tiếng Việt cũng như của các sinh ngữ khác. Chúng tôi thấy rằng việc chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn là điều kiện cơ bản nhất để tránh được nó, đồng thời tránh được cả cách dùng tuỳ tiện, bừa bãi các dấu câu.

Như chúng ta đã nhận thấy, ngôn ngữ là một, và mục đích duy nhất của nó là thông tin. Chúng ta cũng đã chứng minh được rằng giữa nội dung của mục đích thông tin và cấu trúc câu văn có sự tương ứng 1-1. Cho nên, chúng ta cũng đã có những cơ sở khoa học cần thiết để thống nhất cấu trúc câu văn của các sinh ngữ khác nhau, vì các sinh ngữ khác nhau đều có duy nhất một mục đích chung là thông tin. Sự giống nhau về mục đích thông tin giữa các sinh ngữ đã là một tồn tại khách quan thì sự giống nhau của chúng về mặt cấu trúc tất nhiên là một tồn tại khách quan. Từ đó, khi mà câu văn hạt nhân tồn tại dưới 5 dạng khác nhau và các dạng câu khác đã công thức hoá được áp dụng rộng rãi cho các sinh ngữ, thì chắc chắn sự thống nhất này sẽ trở thành một động cơ

lớn thúc đẩy các ngành khoa học trên thế giới phát triển đồng đều hơn, thống nhất hơn, nhanh chóng hơn. Sự thống nhất về dạng cấu trúc này sẽ dễ dàng dẫn đến sự tương ứng về nội dung giữa bản dịch và nguyên bản. Vì khi ấy, ngành dịch thuật chỉ cần có đầy đủ từ điển về các sinh ngữ khác nhau là có khả năng tôn trọng đến mức cao nhất nội dung của nguyên bản. Và cũng sẽ không còn hiện tượng là một câu văn của sinh ngữ nay phải dịch ra bằng 2, 3 câu của sinh ngữ khác, hoặc ngược lại. Người ta thường phàn nàn "Dịch là xuyên tạc". Đúng là sự khác nhau về dạng cấu trúc câu giữa các sinh ngữ đã làm cho ngành dịch thuật phải gánh oan lời phê phán hà khắc ấy. Sự thống nhất này cũng còn giảm nhẹ khá lớn sự đầu tư về thời gian và trí tuệ vào việc nghiên cứu, học tập, và giảng dạy ngoại ngữ.

CHƯƠNG IV

CÁCH DÙNG CÁC DẤU CÂU

I - MỞ ĐẦU

Cho đến nay, cách dùng các dấu câu vẫn chưa được xây dựng trên cơ sở khoa học vững chắc. Điều này không những làm cho câu văn thiếu mạch lạc, rõ ràng, mà trong nhiều trường hợp, còn làm cho ý nghĩa của nó sai lệch hẳn đi. Không ít người đã dùng một cách bừa bãi các dấu câu trong rất nhiều bài viết. Họ chấm, họ chẩy hoặc chấm phẩy một cách tuỳ tiện. Vì vậy, xây dựng cơ sở khoa học cho việc dùng các dấu câu là rất cần thiết.

Trong 3 chương trước, chúng tôi đã trình bày về "lý thuyết câu văn hạt nhân trong ngôn ngữ" và việc công thức hoá từng loại câu : câu hạt nhân, câu đơn, câu trạng thái đơn giản, câu trạng thái phức hợp, câu ghép và câu hỗn hợp. Chúng tôi thấy

rằng đó là những điều cơ bản, nhưng cơ sở khoa học không thể thiếu được trong việc đặt ra những quy tắc về cách dùng các dấu câu.

Theo quan điểm của chúng tôi, thì các dấu câu cần được chia ra làm hai loại khác nhau : Loại không thể thay thế bằng các đơn vị từ vựng. Ở đây, chúng tôi chỉ trình bầy về một số dấu câu không thể thay thế bằng các đơn vị từ vựng được. Đó là : dấu chấm, dấu phẩy và dấu chấm phẩy.

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau trong việc xác định số lượng thành phần chính, thành phần phụ trong câu, cho nên cũng có nhiều cách dùng các dấu câu khác nhau. Với thói quan niệm là câu chỉ gồm có một thành phần chủ yếu, hoặc vị ngữ hoặc chủ ngữ được họ coi là câu ! Với quan niệm là câu chỉ gồm có 2 thành phần chủ yếu là chủ ngữ và vị ngữ, đã có biết bao nhiêu trường hợp người ta dùng dấu chấm sau vị ngữ, gạt bổ ngữ ra ngoài cho câu khác tạo nên biết bao câu cụt, câu què, biết bao lần tranh luận thiếu trọng tài !

Trong bất kỳ ngôn ngữ nào, người ta vẫn thường dùng những câu khuyết một hoặc hai thành phần chủ yếu. Đó chính là những câu có thành phần bị ràng buộc bởi một ngữ cảnh nào đó. Loại câu này thường chỉ gồm có một thành phần chủ yếu mà thôi, và thành phần chủ yếu ấy có thể : hoặc là chủ ngữ, hoặc là vị ngữ hay bổ ngữ, còn một hoặc hai thành phần chủ yếu khác của câu bị

khuyết (bị ẩn) đều dễ dàng tìm thấy ở một câu đứng trước hoặc ở một ngữ cảnh nào đó. Chúng ta không nên căn cứ vào hình thức cấu trúc đặc biệt của loại "câu ràng buộc" này, để đi đến quan niệm sai lệch rằng câu văn có thể chỉ gồm có 1 hoặc 2 thành phần chủ yếu mà thôi.

Sự xác định không đúng về số lượng thành phần chủ yếu của mỗi câu chính là nguyên nhân đã làm cho một số dấu câu, trong rất nhiều trường hợp, được dùng một cách tuỳ tiện. Cho nên, chỉ khi nào người ta thấy được vai trò trọng yếu của bổ ngữ và sự song song tồn tại của nó với 2 thành phần chủ yếu khác trong câu là chủ ngữ và vị ngữ, thì mới có đầy đủ cơ sở khoa học để dùng các dấu câu một cách không sai lệch.

Trong quá trình nghiên cứu, chỉ sau khi đã hoàn chỉnh việc công thức hoá các câu văn trong ngôn ngữ, chúng tôi mới có cơ sở khoa học để đặt ra những quy tắc thích ứng cho cách dùng một số dấu câu không thể thay thế bằng các đơn vị từ vựng được, như dấu chấm, dấu phẩy và dấu chấm phẩy. Nói một cách khác, có nắm được cấu trúc riêng của từng loại câu, thì mới hiểu được cách dùng các dấu câu.

II - QUY TẮC VỀ CÁCH DÙNG CÁC DẤU : DẤU CHẤM, DẤU PHẨY, DẤU CHẤM PHẨY

Vì mỗi loại câu có dạng cấu trúc riêng của nó, nên cách dùng các dấu câu cần được thực hiện đối với từng loại câu khác nhau như chúng tôi sẽ trình bầy sau đây :

1. Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với câu hạt nhân

Quy tắc dùng dấu chấm : Dấu chấm dược dùng cuối một câu hạt nhân, tức là loại câu, mà chỉ với 3 thành phần chủ yếu của nó thôi, đã đáp ứng được một cách đầy đủ nhu cầu của sự thông báo tối thiểu trong một hoàn cảnh nhất định nào đó.

Và do cấu trúc câu văn hạt nhân tồn tại dưới năm dạng khác nhau, nên sau đây dấu chấm dược dùng ở cuối mỗi câu thuộc một trong 5 dạng ấy:

a. Dấu chấm dùng cuối một câu hạt nhân có bổ ngữ là một danh từ, đại từ, số từ... nêu lên tính chất, nghề nghiệp của chủ ngữ hoặc quyền sở hữu của chủ ngữ đối với bổ ngữ.

Ví dụ:

Anh là bác sĩ. Nó là kỹ sư.

Tôi là công nhân.

Nguyên tắc là nguyên tắc.

Ruộng rãy là chiến trường. Cuốc cầy là vũ khí.

Nhà nông là chiến sĩ.

Con có cha. Nhà có nóc. Nó có xe đạp. Tôi có 5đ.

b. Dấu chấm dùng cuối một câu hạt nhân có bổ ngữ (attribut) là một tính từ nêu lên tính chất của chủ ngữ.

Ví dụ:

Lao động	là	vinh quang.
Nó	trở nên	giầu có.
Biển	là	rộng.
Vũ trụ	là	bao la.
Muối	là	mặn.
Đường	là	ngọt.
Dấm	là	chua.
Khóc	là	hèn.
Trăng	là	trong sáng.

3. Dấu chấm dùng cuối một câu hạt nhân có đối tượng bổ ngữ đứng sau đối tượng vị ngữ không có giới từ kèm theo sau:

Ví dụ :

Tôi	uống	nước.
Nó	ăn	cơm.
Tí	bắt	bướm.
Bà	hái	hoa.
Anh	cày	ruộng.
Em	cắt	cỏ.

d. Dấu chấm dùng cuối một câu hạt nhân có đối tượng bổ ngữ đứng sau đối tượng vị ngữ có giới từ kèm theo sau :

Ví dụ :

Việt kiều	hướng về	tổ quốc.
Nó	nghĩ về	gia đình.
Tý	nói với	Sửu.
Tôi	nói về	văn học.
Đông triều	giằng co với	giặc.
Nó	nhắc đến	Việt Nam.

e. Dấu chấm dùng cuối một câu văn hạt nhân mà bổ ngữ nêu lên một trạng thái nào đó như : thời gian, nguyên nhân, cách thức, so sánh, v.v...

Ví dụ :

Anh ấy	về	hôm nay.
Chúng ta	chiến đấu	vì Tổ quốc.
Nó	hát	như nghệ sĩ.

Quy tắc dùng dấu phẩy trong câu hạt nhân.

Trong câu hạt nhân, dấu phẩy được dùng để ngăn cách các thành phần chủ yếu cùng một chức năng với nhau.

Ví dụ :

Đào, Lan, Huệ nhảy, múa, ca hát suốt cả ngày ở trong nhà, ngoài sân, ngoài vườn.

2. Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với câu đơn.

Quy tắc dùng dấu phẩy đối với câu đơn : Dấu chấm được dùng cuối một câu đơn, tức là loại câu được phát triển trên nền tảng của câu hạt nhân, bằng cách sử dụng những đơn vị từ vựng (từ, ngữ, hoặc mệnh đề) nhằm xác định cho một số thành phần chủ yếu của câu hạt nhân đó, thì mới đáp ứng được nhu cầu của một sự thông báo nào đó.

Quy tắc về cách dùng dấu phẩy đối với câu đơn : Đối với câu hạt nhân nền tảng của câu đơn, quy tắc dùng dấu phẩy vẫn giữ nguyên như đối với nội bộ của câu hạt nhân riêng biệt, ngoài ra, nó còn được sử dụng để phân cách các từ, ngữ, mệnh đề xác định với các thành phần chủ yếu cần được xác định trừ trường hợp bổ ngữ chủ yếu của câu văn hạt nhân có chức năng làm chủ ngữ cho vị ngữ của mệnh đề xác định.

Sau đây là ví dụ về cách dùng dấu phẩy và dấu chấm đối với một số dạng chủ yếu của câu đơn

a. Dấu chấm dùng cuối một câu đơn có chủ ngữ được xác định thêm bằng những từ, ngữ ; còn dấu phẩy dùng để phân cách các từ ngữ ấy với các thành phần chủ yếu trong câu.

Ví dụ :

- Huế, *quê hương của tôi*, là một thành phố cổ kính.

- Anh Nghĩa, *người xã tôi*, cũng đã tham gia chiến dịch ấy.

- Ô. Ba, *người anh rể của em nó*, là một bác sĩ tận tuỵ.

b. Dấu chấm được dùng cuối một câu đơn có bổ ngữ được xác định thêm bằng những từ, ngữ ; còn dấu phẩy thì được dùng để phân cách các từ,ngữ ấy với các thành phần chủ yếu trong câu.

Ví dụ:

- Tôi đã nói chuyện với anh Hùng, *bạn thân của anh.*

- Tôi vừa gặp chị Hai, *người phụ nữ đảm đang của Củ Chi*.

- Anh ấy đã thăm làng Sen, *quê hương Bác*.

c. Dấu chấm dùng cuối một câu đơn có chủ ngữ là một mệnh đề.

Ví dụ :

- *Em chăm đọc sách*	là	một sự tiến bộ.
- *Anh biết thương con*	khiến	em rất yên tâm.
- *Cô nói như vậy*	là	đúng.

d. Dấu chấm dùng cuối một câu đơn có chủ ngữ được xác định bằng một mệnh đề xác định, còn dấu phẩy thì dùng để phân cách mệnh đề ấy với các thành phần chủ yếu trong câu.

Ví dụ :

- Người, *mà em yêu quí nhất*, là anh.

- Những công nhân, *do anh rèn luyện*, đã trở thành kỹ sư.

- Những học sinh, *mà anh đã đào tạo*, làm việc rất tốt.

5. Dấu chấm dùng cuối mỗi câu đơn có bổ ngữ là một mệnh đề hoặc được xác định bằng một mệnh đề xác định.

Ví dụ :

- Anh ấy là người đã đạt thành tích cao trong học tập.
- Tôi thích thơ, *mà cô vừa ngâm.*
- Đó là một bi kịch, *do nó tạo nên.*
- Ông ấy là người, *mà tôi đã gặp.*

3. Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với câu trạng thái đơn giản.

Quy tắc dùng dấu chấm đối với câu trạng thái đơn giản: Dấu chấm được dùng cuối một câu trạng thái đơn giản, tức là sau một câu hạt nhân (hoặc câu đơn) có kèm theo một hoặc nhiều từ, ngữ nêu lên một trạng thái nào đó.

Quy tắc về cách dùng dấu phẩy trong câu trạng thái đơn giản : Đối với câu hạt nhân (hoặc câu đơn) nền tảng của câu trạng thái đơn giản, quy tắc dùng dấu phẩy vẫn giữ nguyên như đối với nội bộ của câu hạt nhân hoặc câu đơn riêng biệt. Ngoài ra, nó còn được sử dụng để phân cách các từ, ngữ

chỉ trạng thái cùng loại hoặc khác loại với nhau, và các thành phần chỉ trạng thái ấy với các thành phần chủ yếu trong câu.

Sau đây là ví dụ về cách dùng dấu phẩy, dấu chấm đối với vài trạng thái đơn giản :

- *Cách đây không lâu, vào một chiều thu*, ở công viên Lênin, tôi đã gặp anh ấy.

- Tôi đã ở lại đó, *vì cái quan niệm chủ quan ấy*, và cũng còn vì em tôi nữa.

- *Vì Tổ quốc*, anh ấy đã hy sinh cả cuộc đời.

- *Do lời giới thiệu của anh*, nó hiểu lầm tôi.

- *Với hai bàn tay trắng*, anh ấy đã xây dựng được một sự nghiệp lớn.

- Chúng ta sẽ đi Quảng Ninh *bằng thuyền*.

- Cái tết đầu tiên trong tù đánh dấu *bằng câu chuyện vượt ngục như vậy*.

- Đạn rơi xung quanh tôi *như trấu vãi*.

- Phía Đông bãi Soi khúc sông cụt nằm *cong cong như vành cánh cung*.

- Tôi đã ở lại đây *vì gia đình tôi và cũng còn vì anh nữa*.

- *Với vốn hiểu biết sâu rộng trong cuộc đời, với một năng khiếu đặc biệt về ngôn ngữ, với một tình yêu nhân loại thiết tha và với một tâm hồn lộng gió bốn phương*, Nguyễn Du đã xây dựng nên một tác phẩm nghệ thuật vĩ đại ...

4. Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với câu trạng thái phức hợp.

Quy tắc dùng dấu chấm : Dấu chấm được dùng cuối một câu trạng thái phức hợp, tức là sau một hoặc nhiều câu hạt nhân (hoặc câu đơn) có kèm theo một hoặc nhiều từ ngữ và mệnh đề nêu lên một hoặc nhiều trạng thái nào đó, nhằm đáp ứng một nhu cầu thông tin nhất định.

Quy tắc dùng dấu phẩy : Nếu "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái" trong câu trạng thái phức hợp có dạng của một câu hạt nhân hoặc câu đơn, thì quy tắc sử dụng dấu phẩy vẫn giữ nguyên như đối với nội bộ từng loại câu ấy khi chúng đứng riêng biệt ngoài ra, nó còn dùng để phân cách các mệnh đề cùng chức năng hoặc khác chức năng với nhau trong câu, cụ thể là nó cùng để phân cách các "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái" với nhau, và các mệnh đề ấy với các "mệnh đề trạng thái", cũng như phân cách các mệnh đề trạng thái cùng loại hoặc khác loại với nhau.

a. Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với câu trạng thái phức hợp có " mệnh đề trạng thái " đứng ở đầu câu :

- *Nếu anh giúp nó*, tôi sẽ giúp anh.

- *Bao giờ cho gạo bén sàng, cho trăng bén gió*, thì nàng lấy anh.

- *Bằng một động tác thành thạo,* anh khẽ nâng cánh cửa lên, lọt vào trong nhà.

- *Tuy rét vẫn kéo dài,* mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương.

- *Ví thử có tiền* thì tôi đã mua bức tranh này.

b. Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với câu trạng thái phức hợp có "mệnh đề trạng thái" ở cuối câu :

- Tôi sẽ thương anh, *nếu anh thương nó.*

- Nhân dân ta đánh giá cao tình đoàn kết mà nhân dân tiến bộ Mỹ đã biểu thị với chúng ta, khi cuộc chiến tranh Việt Nam đang diễn ra ác liệt.

- Nguyễn Du đã dùng ngôn ngữ rất tài tình, để lột tả ngoại hình, đồng thời mô tả nội tâm của các nhân vật trong truyện Kiều.

- Tôi định viết thật dài, *vì có nhiều chuyện đáng kể với anh.*

c. Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với câu trạng thái phức hợp có " mệnh đề trạng thái" đứng ở đầu và cuối câu.

- *Mặc dù tôi còn khá cách xa tuổi già, những kỷ niệm, mà tôi yêu thích, đến với tôi như từ một quá khứ sâu thẳm.*

- *Muốn cho việc diễn đạt có hiệu quả cao, trong hành văn, đôi chỗ các nhà văn thường dùng câu hỏi tu từ, để tập trung sự chú ý của người đọc, làm*

cho lời văn trở nên sinh động, không đơn điệu.

- Cứ mỗi lần nghe tiếng hát quan họ đậm đà và uyển chuyển, tôi thấy bồng nôn nao, xào xuyến trong lòng như đang nhớ, đang thương, đang chờ đợi một cái gì vấn vương với mình trong những tháng ngày xa xôi thăm thẳm mà nặng nghĩa nặng tình làm sao.

d. Cách dùng dấu chấm và dấu phẩy đối với câu trạng thái phức hợp có mệnh đề trạng thái đứng ở giữa các mệnh đề khác

Ví dụ:

- Tiếng sóng ở đây không phải là tiếng sóng gào, mà là tiếng hiền hoà, dịu dàng, mỏng *như những dải lụa nối tiếp nhau vỗ vào bãi cát*, sóng cứ tiếp tục công việc của mình một cách nhịp nhàng và đều đều như không bao giờ mệt mỏi.

- Bác đọc rất nhiều và rất rộng, *nhưng khi phát hiện thấy những vấn đề bổ ích cho công tác của ngành nào,* Bác đều đánh dấu và gửi nó cho các đồng chí phụ trách ngành ấy để tham khảo và vận dụng.

- Nguyễn Du không nói nhiều, mà chỉ *phác hoạ mỗi nhân vật bằng một vài nét, nhưng rất đậm đà, sắc sảo, nổi bật lên như chạm khắc*, cũng đủ phơi bầy ra ánh sáng cả cái xã hội ghê tởm hồi ấy.

Ghi chú:

* Trong các câu trạng thái đơn giản, dấu phẩy phải được dùng để phân cách các từ, ngữ có chức

năng làm bổ ngữ trạng thái với các thành phần chủ yếu của câu.

Nhưng đối với bổ ngữ trạng thái ở cuối câu, thì ít khi người ta dùng dấu phẩy để phân cách nó với bổ ngữ chủ yếu trong câu, ví dụ:

Hôm qua, tôi gặp anh ấy. (có dấu phẩy sau từ hôm qua).

Tôi đã gặp anh *hôm qua* (có thể dùng hoặc không dùng dấu phẩy trước từ hôm qua).

* Đối với loại câu trạng thái phức hợp có "mệnh đề trạng thái" đứng ở đầu câu, thì thường theo thói quen, người ta có thể dùng hoặc không dùng các liên từ như : thì, nên, cho nên, mà, những, v.v... ở đầu mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái trong câu. Các giới từ đứng ở đầu mệnh đề trạng thái thường đi đôi với các liên từ thành từng cặp như sau:

Giới từ	**Liên từ**
Nếu.....	thì.....
Để.....	thì.....
Vì.....	mà (hoặc nên).....
Bởi vì.....	Cho nên.....
Vì.....	mà (hoặc nên).....
Tại vì.....	mà (nên).....
Do.....	mà (hoặc nên, cho nên).....
Nhờ.....	cho nên (hoặc nên, mà).....
Tuy.....	song (hoặc nhưng).....
Dù.....	nhưng (hoặc song).....

Miễn là. . . . . thì . . . . .

Ví. . . . . thì . . . . .

v.v....

Trong các cặp giới từ - liên từ kể trên, giới từ được dùng ở đầu mệnh đề trạng thái còn liên từ thì dùng ở đấu "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái" nhưng cũng có những trường hợp người ta không dùng liên từ mà chỉ dùng giới từ thôi.

* Tuỳ theo nhu cầu của từng nội dung thông báo nhất định, cũng như nghệ thuật của người sử dụng ngôn ngữ, các thành phần chỉ trạng thái (từ, ngữ hoặc mệnh đề có thể đứng ở đầu, giữa hoặc cuối câu với một số lượng thích hợp, cần thiết cho mỗi loại trạng thái. Chúng không bị hạn chế về số lượng và quy định về vị trí trong câu. Có điều cần chú ý là trong khi viết, chúng ta nên khoanh vùng riêng cho mỗi loại trạng thái (thời gian cạnh thời gian, mục đích cạch mục đích, v.v...) nhằm làm cho cấu trúc câu văn được mạch lạc, rõ ràng hơn.

5. Cách dùng dấu chấm dấu chấm phẩy và dấu phẩy trong câu ghép.

Quy tắc dùng dấu chấm : Dấu chấm được dùng cuối một câu ghép, tức là cuối hai hoặc nhiều câu hạt nhân (câu đơn hoặc câu trạng thái) bình đẳng liên kết lại với nhau nhằm một mục đích thông báo chung.

Quy tắc dùng dấu phẩy : Trong câu ghép, nếu mệnh đề bình đẳng liên kết là một câu hạt nhân, câu đơn hoặc câu trạng thái, thì quy tắc dùng dấu phẩy vẫn giữ nguyên như đối với nội bộ của các loại câu ấy.

Quy tắc dùng dấu chấm phẩy : Dấu chấm phẩy được dùng giữa hai hoặc nhiều câu hạt nhân, câu đơn hoặc câu trạng thái bình đẳng liên kết với nhau trong một câu nhằm một mục đích thông báo chung.

Ví dụ :

- Đơn vị A phải chiếm đồn X ; đơn vị B phải chiếm đồn Y (Hai đơn vị phải cùng hoàn thành trách nhiệm cùng một thời điểm, để ngày mai, cùng hành quân đến địa điểm mới).

- Cái niềm thương mến đó là hương vị của thơ Tố Hữu ; nó toát lên thơm tho, dịu ngọt; nó là đạo đức cách mạng ; nó làm nên cái sức hấp dẫn của thơ Tố Hữu, một hồn thơ gần gũi với con người, chí tình với con người. (Xuân Diệu).

6. Cách dùng dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm phẩy đối với câu hỗn hợp.

Sau khi bổ ngữ phức tạp trong câu hỗn hợp đã được coi như là một bổ ngữ bình thường, thì quy tắc và cách dùng các dấu câu đối với các loại câu đã trình bầy trên đây cũng được áp dụng đối với câu hỗn hợp.

Ví dụ :

Hồ Chủ tịch đã dạy : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". (Cả đoạn văn nằm trong ngoặc kép có chức năng làm bổ ngữ cho vị ngữ dạy).

- Chúng tôi nghĩ rằng : "*Chỉ có độc lập, tự do mới có thể có địa vị xứng đáng cho ngôn ngữ dân tộc, chỉ có giải phóng dân tộc mới có thể xoá bỏ được sự kìm hãm của kẻ áp bức dân tộc đối với tiếng nói của dân tộc bị áp bức, có rửa được cái nhục bị mất đi chủ quyền thì mới có thể thủ tiêu được sự rẻ rúng tiếng nói dân tộc*" (Cả đoạn văn trong ngoặc kép này có chức năng làm bổ ngữ cho vị ngữ "nghĩ").

- *Nếu ông ấy gặp anh*, thì anh nói với ông ấy rằng : Tôi đã nhận được điện tín báo cho biết gia đình ông ấy sắp ra Hà Nội bằng tầu thuỷ. (Các mệnh đề nằm sau hai chấm giữ chức năng làm bổ ngữ cho vị ngữ "nói")

Ghi chú :

Trong tất cả các loại câu nói chung, dấu phẩy được dùng để phân cách các thành phần chủ yếu với các thành phần mà người ta vẫn gọi là phụ như thành phần thán gọi, thành phần chuyển tiếp, v.v...Ví dụ : Trời, trời ơi, chao, chao ôi, anh ơi, em ơi, chị ơi, v.v...

Ngoài ra, người ta không dùng dấu phẩy để phân cách các tính từ, số từ, định từ, đại từ hoặc

danh từ đầu tiên với danh từ hoặc đại từ mà nó bổ nghĩa, dấu phẩy cũng không được dùng để phân cách trạng từ đầu tiên với vị ngữ mà nó bổ nghĩa, ví dụ : Cái xe *này*, cái bàn *kia*, cái nhà *đẹp*, đoá hoa *tươi*, tờ *hai chục*, tờ *một trăm*, đi *nhanh*, chạy *chậm*, hát *hay*, nói *nhiều*...

CHƯƠNGV

PHƯƠNG PHÁP THÁO , LẮP CÂU

I - MỞ ĐẦU

Như chúng tôi đã trình bầy ở các chương I,II,III, có xuất phát từ mục đích thông tin của ngôn ngữ thì mới tìm ra được đơn vị thông báo nhỏ nhất của nó, tức là tìm ra được câu văn hạt nhân tồn tại dưới 5 dạng khác nhau với 3 thành phần chủ yếu trong mỗi dạng là chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ. Câu văn hạt nhân ấy là nền tảng cho việc chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc hoá rồi, thì chúng ta mới có cơ sở khoa học để thiết lập được những quy tắc cơ bản cho cách dùng các dấu câu và thực hiện phương pháp tháo, lắp câu. Vì cũng chỉ khi ấy, chúng ta mới thấy được một cách rõ ràng các thành phần, các mệnh đề khác nhau đã gắn hợp với nhau như thế nào, ở những điểm

nào để cấu tạo nên các câu văn khác nhau. Từ đó, câu văn, mặc dầu dài đến mấy (kể cả câu hỗn hợp, khi mà bổ ngữ phức tạp của loại câu này được xác định dùng theo chức năng của nó) cũng thể hiện ra không khác gì một sợi dây xích dài, trong đó các mắt xích đều thuộc về dạng này hay dạng khác của câu văn hạt nhân (hoặc câu đơn hay câu trạng thái đơn giản) được gắn liền với nhau bằng những chiếc đinh ốc "liên từ" "giới từ", "cặp giới liên từ" mà thôi. Các thành phần của một câu phức hợp cũng có thể so sánh với các bộ phận của một cái máy mà người ta có thể tháo lắp được một cách dễ dàng. Và trong quá trình tháo, lắp như vậy, người ta có thể điều chỉnh lại cơ cấu của mỗi câu văn y như điều chỉnh lại các bộ phận của một cái máy, bằng cách thêm vào những gì xét ra còn thiếu, và gạt ra những gì không thích hợp, đồng thời xác định lại vị trí của các dấu câu đã được dùng trong câu.

Phương pháp này đã đưa lại những kết quả rất khả quan, vì trong quá trình tháo, lắp như vậy, người ta dễ dàng thấy cái thừa, thiếu, cái đúng, cái sai, cái hay, cái dở trong mỗi câu văn. Nó làm cho giờ giảng dạy, học tập ngữ pháp, ngữ văn rất phong phú và sinh động, và thầy và trò đều có thể góp ý kiến của mình để đánh giá cấu trúc và nội dung của từng câu văn, bài văn cũng như nghệ thuật, thủ thuật của từng tác giả. Nó còn nâng cao

ý thức thận trọng, ý thức chủ động cho người cầm bút trước khi dùng mỗi dấu câu, mỗi từ, mỗi ngữ, mỗi mệnh đề trong câu.

II - CÁCH THÁO, LẮP ĐỐI VỚI CÁC LOẠI CÂU

1. Cách tháo, lắp đối với câu hạt nhân.

Câu hạt nhân, với 3 thành phần chủ yếu của nó, là đơn vị thông báo nhỏ nhất trong ngôn ngữ. Ba thành phần chủ yếu của nó là một thể thống nhất, có liên quan hữu cơ với nhau, không tách rời nhau được, cho nên chúng ta không áp dụng "phương pháp tháo, lắp" với loại câu này.

2. Cách "tháo, lắp" đối với loại câu đơn.

- Đối với loại câu đơn có chủ ngữ hoặc bổ ngữ là một mệnh đề, chúng ta cũng không áp dụng "phương pháp tháo, lắp", vì mệnh đề dùng như vậy chỉ được coi như là một chủ ngữ hoặc bổ ngữ mà thôi.

- Còn đối với loại câu đơn có chủ ngữ hoặc bổ ngữ được xác định thêm bằng một hay nhiều từ, ngữ hoặc mệnh đề, thì chúng ta tiến hành tháo các thành phần ấy ra khỏi các thành phần chủ yếu mà nó xác định, nhằm làm cho người ta thấy được nền tảng của loại câu văn này, xong rồi, lắp lại như cũ.

Sau đây là sơ đồ dùng cho việc tháo, lắp ấy :

CHỦ NGỮ (Thành phần xác định)	VỊ NGỮ BỔ NGỮ (Thành phần xác định)

Chú ý: Trong sơ đồ trên và các sơ đồ sau đây, việc tháo lắp được thực hiện đối với các thành phần nằm trong (...).

3. Cách tháo, lắp đối với câu trạng thái đơn giản.

Câu trạng thái đơn giản là một loại câu gồm có một câu hạt nhân (hoặc câu đơn) được mở rộng thêm bằng một hoặc nhiều từ, ngữ nhằm nêu lên một trạng thái nào đó của sự việc do câu hạt nhân (hoặc câu đơn) đó nêu lên.

Căn cứ vào cấu trúc của loại câu này, chúng ta tiến hành "tháo, lắp" đối với các "thành phần chỉ trạng thái" trong câu, và sắp xếp các từ, ngữ cùng trạng thái vào một khu riêng (ví dụ như thời gian với thời gian, nguyên nhân với nguyên nhân v.v...) nhằm cho nội dung thông báo được rõ ràng, mạch lạc hơn. Nếu phần còn lại là một câu đơn thì nếu cần, chúng ta tiếp tục tháo lắp như đối với câu đơn.

Sau đây là sơ đồ dùng cho việc tháo, lặp ấy :

(Từ, ngữ chỉ trạng thái)	Câu hạt nhân hoặc câu đơn

4. Cách tháo, lắp đối với câu trạng thái phức hợp.

Câu trạng thái phức hợp là loại câu được cấu tạo nên bằng sự phối hợp với một hoặc nhiều câu hạt nhân (hoặc câu đơn) nêu lên một hoặc nhiều sự việc nào đó (được gọi là "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái") với một hoặc nhiều câu hạt nhân (hoặc câu đơn) khác có giới từ đứng ở đầu (được gọi là "mệnh đề trạng thái") nhằm nêu lên trạng thái nào đó của một hoặc nhiều sự việc trên.

Ghi chú: Trong câu trạng thái phức hợp, nếu ngoài các mệnh đề trạng thái ra còn có các từ, ngữ chỉ trạng thái, thì việc "tháo lắp" các từ ngữ này cũng được thực hiện cùng với các "mệnh đề trạng thái". Nhưng, để tránh cồng kềnh, chúng tôi không minh hoạ sự "tháo, lắp" này vào hai sơ đồ dưới đây.

Đối với cấu trúc của loại câu này, để tiến hành "tháo, lắp", trước hết, chúng ta phải nắm được ranh giới của mỗi loại mệnh đề trong câu : đâu là "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái", đâu là những "mệnh đề trạng thái "cùng loại, đâu là những "mệnh đề trạng thái "khác loại, xong tiến hành tháo và sắp xếp các từ, ngữ, mệnh đề cùng trạng thái vào với nhau, rồi lắp lại (việc sắp xếp các từ, ngữ, mệnh đề cùng trạng thái đi liền nhau,

như thời gian đi liền với thời gian, nguyên nhân đi liền với nguyên nhân, v.v... sẽ làm cho nội dung thông tin được rành mạch hơn). Đối với các mệnh đề còn lại, nếu là những câu đơn thì, nếu cần ta sẽ "tháo, lắp" như đối với câu đơn.

Sau đây là 2 sơ đồ dùng cho việc "tháo, lắp" loại câu "trạng thái phức hợp" trong đó "mệnh đề trạng thái" được viết tắt là "MĐTT" và "mệnh đề cần được bổ nghĩa về trạng thái" được viết tắt là "MĐCĐBNVTT" và m, n là những số tự nhiên nào đó.

a) Sơ đồ về câu trạng thái phức hợp có mệnh đề trạng thái đứng ở đầu câu :

(MDTT, MDTT...	MĐCĐBNVTT, MĐCĐBNVTT...
m >= 1 mệnh đề	n >=1 mệnh đề

b) Sơ đồ về câu trạng thái phức hợp có "mệnh đề trạng thái" đứng ở cuối câu.

MĐCĐBNVTT, MĐCĐBNVTT...	MDTT, MDTT...
n >= 1 mệnh đề	m >=1 mệnh đề

5. Cách "tháo, lắp" đối với câu ghép.

Câu ghép là loại câu được cấu tạo nên bởi sự lắp ghép của hai hoặc nhiều câu hạt nhân, câu đơn

hay câu trạng thái. Mỗi mệnh đề ấy có liên quan với nhau trong một mục đích thông báo chung, và được gọi là "mệnh đề bình đẳng liên kết" trong câu ghép. Chúng được lắp ghép lại với nhau bằng những dấu chấm phẩy.

Với cấu trúc của loại câu này, để tiến hành "tháo, lắp", trước hết, chúng ta phải nắm được ranh giới giữa các "mệnh đề bình đẳng liên kết" được đánh dấu bằng dấu chấm phẩy, sau đó tiến hành "tháo, lắp" như đối với câu đơn hoặc câu trạng thái (nếu cần).

Sau đây là sơ đồ dùng cho việc "tháo, lắp", trong đó "mệnh đề bình đẳng liên kết" được viết tắt là "MĐBĐLK" và n là một số từ nhiên nào đó :

(MĐBĐLK) ; (MĐBĐLK) : ..... ; (MĐBĐLK)

n >=2 mệnh đề

6. Cách "tháo, lắp" đối với câu hỗn hợp.

Sau khi bổ ngữ phức tạp của câu hỗn hợp đã được coi như là bổ ngữ bình thường, thì câu hỗn hợp sẽ có dạng của một trong các loại câu đã được "tháo, lắp" như trên. Vì vậy, việc tháo lắp đối với loại câu này được tiến hành theo từng dạng mà nó có.

Chú ý : Nếu cần có những loại câu cụ thể để dùng cho việc "tháo, lắp", chúng ta có thể lấy các dạng cấu trúc khác nhau đã được trích dẫn ở hai chương III và IV.

KẾT LUẬN

Các sinh ngữ khác nhau chỉ có chung một mục đích duy nhất là thông tin. Mục đích chung đó dẫn đến sự tương ứng 1-1 về mặt cấu trúc của các sinh ngữ. Cho nên 5 dạng cấu trúc của câu văn hạt nhân trong tiếng Việt cũng như trong các thứ tiếng khác có sự tương ứng 1-1 về mặt cấu trúc câu (sự khác nhau nếu có thì đều thuộc về sự cấu tạo hoặc trật tự của một số thành phần ở trong mỗi câu mà thôi). Để chứng minh sự tương ứng ấy, chúng ta có thể lấy 5 dạng cấu trúc câu hạt nhân của tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh làm thí dụ để đối chiếu như sau:

1. Dạng thứ nhất và dạng thứ hai của câu văn hạt nhân trong đó vị ngữ thuộc vào loại chủ vị ngữ (verbe copul) còn bổ ngữ của nó hoặc là một danh từ, đại từ, số từ, v.v... hoặc là một tính từ :

a) Ví dụ về dạng câu thứ nhất (bổ ngữ là một danh từ, đại từ, số từ...) :

- Câu bằng tiếng Việt : Anh là bác sĩ.
- Câu bằng tiếng Pháp: Vous êres docteur
- Câu bằng tiếng Anh: You are adoctor.

b) Ví dụ về dạng câu thứ hai (bổ ngữ là một tính từ) :

- Câu bằng tiếng Việt :

Lao động là vinh quang.

- Câu bằng tiếng Pháp :

Le travail est glorieux.

- Câu bằng tiếng Anh :

Labour is glorious.

2. Dạng thứ ba và thứ tư của câu văn hạt nhân, trong đó vị ngữ thuộc vào loại đối tượng vị ngữ (verbe transtif) có hoặc không có giới từ (prépo-sition) kèm theo sau.

a) Ví dụ về dạng câu thứ ba, trong đó đối tượng vị ngữ không có giới từ kèm theo sau:

- Câu bằng tiếng Việt :

Tôi ăn cơm.

- Câu bằng tiếng Pháp:

Je mange duriz

- Câu bằng tiếng Anh:

I eat cooke-rice.

b) Ví dụ về dạng thứ tư trong đó đối tượng vị ngữ có giới từ kèm theo :

- Câu bằng tiếng Việt:

Nó nghĩ về anh.

- Câu bằng tiếng Pháp:

It pense à vous

- Câu bằng tiếng Anh:

He thinks about you.

3. Dạng thứ năm của câu văn hạt nhân, trong đó đối tượng vị ngữ (verbe transitif) được đặc cách dùng như trạng vị ngữ (verbe intransitif).

- Câu bằng tiếng Việt:

Nó đi hôm nay.

- Câu bằng tiếng Pháp:

It part ajourd'hui

- Câu bằng tiếng Anh:

He will go to-day.

Những ví dụ trên đây đã chứng minh rằng sự tương ứng 1-1 về mặt cấu trúc giữa các sinh ngữ khác nhau là một tồn tại khách quan. Và trên nền tảng ấy chúng ta có đầy đủ điều kiện cần thiết để chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn của các sinh ngữ, bởi lẽ cấu trúc của mọi loại câu văn khác nhau của bất kỳ sinh ngữ nào đều dễ được và phải được xây dựng trên nền tảng của câu văn hạt nhân tồn tại dưới 5 dạng khác nhau mà thôi (Để chúng minh một cách cụ thể và chi tiết hơn sự tương ứng 1-1 về cấu trúc câu giữa các

sinh ngữ, chúng tôi đang lần lượt dùng các thứ tiếng như Nga, Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha, v.v... để so sánh, đối chiếu với tiếng Việt trong toàn tập này, và đã thực hiện được bằng tiếng Pháp, Nga, và Anh). Dùng cấu trúc câu văn hạt nhân làm nền tảng để xây dựng hoặc tìm hiểu cấu trúc của các loại câu khác nhau là một việc làm hoàn toàn chính xác. Nguyên lý và phương pháp luận này trao cho ta chìa khoá để hiểu được cái phức tạp trên cơ sở cái đơn giản... (I, 485). Cho nên "việc chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn là cần thiết, và khi nó đã được công thức hoá rồi, được củng cố nhiều lần trong thực tiễn, thì nó sẽ được coi như một cái vốn kiến thức chung, khi nó đã được nắm chắc, thì người ta có thể sử dụng nó hầu như tự động, đó là điều kiện quan trọng để tiết kiệm trí lực và thời gian, điều kiện để thừa kế và tiếp tục phát triển nhận thức của nhân loại". (I, 489).

TÓM TẮT

Xuất phát từ nhận thức rằng mục đích duy nhất của ngôn ngữ là thông tin, chúng tôi đã phát hiện được vai trò chủ yếu quan trọng nhất và không thể thiếu được của bổ ngữ trong cấu trúc câu văn của bất kỳ thứ tiếng nào, vì muốn truyền đạt được một lượng thông tin tối thiểu, thì câu văn phải gồm có 3 thành phần chủ yếu là chủ ngữ, vị ngữ, và bổ ngữ, trong đó trái hẳn với quan niệm truyền thống, bổ ngữ giữ vai trò quan trọng nhất (xem chương II) và không có sự tồn tại của "nội động từ" trong ngôn ngữ.

Trên cơ sở của sự phát hiện trên đây, chúng tôi đã khẳng định được sự tồn tại của "đơn vị thông báo nhỏ nhất" của ngôn ngữ và tìm ra cấu trúc của nó. Đơn vị thông báo nhỏ nhất gồm có 3 yếu tố chính, tức là 3 thành phần chủ yếu là chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ. Chúng tôi gọi nó là câu văn hạt nhân của ngôn ngữ (Xem chương I). Và chính câu văn hạt nhân đó là nền tảng cho việc chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn (xem chương III). Rồi, sự chính xác hoá vị trí các

dấu câu (xem chương IV) và phương pháp tháo lắp câu (xem chương V) lại ra đời trên nền tảng của các dạng cấu trúc câu văn đã được chuẩn mực hoá và công thức hoá. Kết quả là câu văn trở nên mạch lạc chính xác hơn, trong sáng và có sự tương ứng 1-1 giữa cấu trúc và nội dung của mục đích thông tin của nó. Đồng thời, chúng ta có đầy đủ cơ sở khoa học cần thiết để thống nhất cấu trúc câu văn của các thứ tiếng khác nhau, vì các thứ tiếng khác nhau cũng chỉ có chung một mục đích là thông tin của các thứ tiếng khác nhau của chúng về cấu trúc câu cũng tất nhiên là một tồn tại khách quan. Và cấu trúc câu văn của các thứ tiếng khi đã được thống nhất rồi thì sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi cho công việc phiên dịch tự động (xem trang 52, Khoa học năm 2000- NXB KHKT 1978).

Công trình này đã được chúng tôi áp dụng để giảng dạy cho học viên ở các trình độ văn hoá và lứa tuổi khác nhau ở trong nước và ngoài nước với kết quả cụ thể là chỉ sau vài chục tiết, học viên có thể cơ bản nắm đợc cấu trúc câu đơn và câu phức hợp của tiếng Việt hoặc tiếng Pháp, giảm nhẹ rất nhiều thời gian học tập, nghiên cứu tiếng mẹ đẻ và tiếng nước ngoài ; trong công việc dịch thuật thì kết quả là bản văn dịch và nguyên bản dễ dàng có sự tương ứng 1-1 về nội dung và gần như có sự tương ứng về cấu trúc, tránh được tình trạng một câu văn của nước này phải dịch ra bằng 2, 3 câu của nước khác, hoặc ngược lại. ***"Chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn"*** còn cung cấp cho chúng ta những cơ sở cơ bản nhất để xoá nạn "câu què,

câu cụt" xoá nạn dùng tuỳ tiện các dấu câu đang lan tràn một cách đáng tiếc hiện nay v.v... Và chắc chắn rằng công trình này sẽ góp phần tích cực của nó vào việc thiết lập nên phép đặt câu cho ngữ pháp tiếng Việt và các thứ tiếng khác, nhằm không ngừng tăng cường tính chính xác và sự trong sáng của ngôn ngữ.

RÉSUMÉ

Partant dee la conception oue l'unique but du langage est l'information, nóus avons découvert le rôle particulièrement important et in lispensable du complément dans la structure de la phrase de toutes les langues : car, pour transmettre une quantité d'înormation minima'e, la phrase doit cómpendre trois partiess essentielless : le subjet, le verbe et le complément, parmi lesquelless, à l'encontre des conceptions traditionnelles, le complément prend le rôle le plus important (voir chapitre II) et le verbe intrasitif n'exisste pas dans le langage.

Sur la base de la découverte précédente, nous avons affirmes l'exisstence de "l'unité d'înormation minima d du langage" et trouvé sa structure. L'unité d'înormation dire trois partiess essentielles : le suet, le verbe et le complément. Nous l'appelons la phaase - noyau du langage (voir chapitre I). Et c'est cette phrase - noyau qui est le fondement de la "normalissation et de la formalissation de la structure de la pharase". (Voir chapitre III). ensuite, la détermination précise de la position des signes de position des signes de ponctuation (Voin chapitre IV)

et la méthode de démontage et remontage de la phrase (Voir chapitre V) sont nées sur la base des structuress de phrase, et il y a correspondance biunivoque entre la structure et le contenu de son but d'înormation. En mêne temps, nous avons pleinement le fondement scientifique nécessaire pour unif er les structures de la phrase des diffesrentes langues, car celles - ci n'ont qu'un seul bul : l'înormation. La simititude du but d'înormation des différentes langues est une réalité objective, c'est pourquoi la similitude de leurs structures de phrase est certainement une réalité objective. Et les structues de phrase des langues, une fol unifiées, créeront les conditions favorables pour l'aut matisation du travail de traduction (voir page 52. La Science en l'an 2000, Edition Science et Technique 1978).

Nous avons applequé cet oeuvre pour l'enseignement aux élèves vie namiens etrétrangers à differents niveaux de culture et d'âges avec le résultat concret qu'après une trentaine d'heuress l'élève a pu sáiir fondamentalement les structuress des phrases simples et composéesdu Vietnamien ou du Francais, et ainsi nous avons pu diminuer le temps d'études de la langue matern le comme de la langue étrangère : dán le travail de traduction, on a atteint le résultat que le tex... traduit et l'original ont facilement une correspondan e biunivoque du contenu et presque une correpon dance des struct res de phrases, ainsii l'on a pu éviter les cas de traduction d'une phrase d'une langue en deux ou trois phrases d'une au re, ou inversement. "La normalissation et la formalissation de la structure de la phrase" nous fournit encore les basess fondamentales pour supprimerr les cas des "phrase boiteuses, tronquées", supprimerr les cas d'utilisation fantaisisste

des signes de ponctuation phénomènes regretiablemnt fréquents actuellement, etc... Et il est cer ain que cet oeuvre contribuera sa part active dans l'établissement de la méthode de construction des phrases vietnamiennes et étrangères, dans le but d'augmenter "ontinuellement la précision et la clarté des langues.

SUMMARY

Staring from the conception that the sole aim of language is to inform, we have discovered that the complement plays an essential, indispensabble role in the sen tense structure of any languages. The reason is that to convey even a minimum of information, a sen tense must consist of three essential parts : the subject, the verb and the complement with the complement playing, contrary to all tranditional conception, the most important role (see Chapter 2). Moreover, we have come to the conclusion that there is no such things as intransitive verbs.

On the basis of this discovery we have ascertained the exitence of the "smallest unit of information" and have found out its structure. This unit, which we call the "kernel sentence" (chapter 1), is made up by three elements-the suject, the verb and the complement and formularization of sen tence structures make it possible to use punctuation marks correctly (chapter 4) and to devise a medthod to build and break down sen tences (chapter 5). The overall result is more articulate, more accurate, clearer sentences and a 1-to-1 identity betwen sentence structure and information content.

Also it has been proved scientifically that languages can be unified structurally, their common, only goal being information. And since the identity of purpose of all languages-information-is an objective reality, their structural similarites are also an objective reality. So, sentence structure, once made uniform, will facilitate automatic translation (khoa hoc nam 2000 (Siance in the Year/ 2000), p52 . Nha xuat ban khoa hoc ky thuat Ha Noi 1978.

This work has been applied to teaching languages to Vietnamsee and foreign student of different educationl backgrounds and ages. After about 30 hours, students acquires a basic knownledge of simple and complex sentence structures of the Vietnammese and French languages, which he ped greatly reduce the time for study.

In translation, an almost 1-1 faithfulness can be achieved, and structural uinformity is considerable. Also, a sentence in one language can be rendered in just one sentence in another language, and ther will be no more lame sentences, no more slopy puntuation, which unfortunately, have become wideespread.

Finally, this work is expected to contribute in an active way to the formulation of grammatical rules for Vietnamese and other languages, for their greater accuracy and clarity.

SÁCH THAM KHẢO

I. *Khái lược về lịch sử và lý luận phát triển khoa học* (của Viện hàn lâm khoa học Liên xô) do NXB Khoa học xã hội xuất bản năm 1975.

II. *Bút ký triết học-Lênin*-NXB Sự thật 1960.

III. *Mác, Ăngheh, Lênin bàn về ngôn ngữ học* - Stalin - NXB Sự thật.

IV. *Hệ tư tưởng Đức-C.Mác*, F. Ăngheh-NXB xã hội Pái 1953.

Grammaire francaise (Tomes I et II)-V. Steinbẹg-Mókva-1965.

V. *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội* số 6/85 trang 54-65 và số 8/85 trang 56-64- Hà Huy Thái.

VI. *Ngữ pháp tiếng Việt*- NXB Khoa học xã hội 1983.

MỤC LỤC

	Trang
Ngôn ngữ, văn hoá dân tộc	5
Lời nói đầu	12
Chương I - CÂU VĂN HẠT NHÂN TRONG NGÔN NGỮ	15
I. Mở đầu	15
II. Cấu trúc câu văn hạt nhân	16
Chương II - BỔ NGỮ LÀ THÀNH PHẦN QUAN TRỌNG NHẤT TRONG CÂU VĂN	29
I. Tại sao bổ ngữ lại là thành phần quan trọng nhất	29
II. Những đặc tính của bổ ngữ nêu lên vai trò quan trọng nhất của nó trong câu	35
Chương III - SỰ CHUẨN MỰC HOÁ VÀ CÔNG THỨC HOÁ CẤU TRÚC CÂU VĂN TRONG NGÔN NGỮ	52
I. Cơ sở của chuẩn mực hoá và công thức hoá cấu trúc câu văn	52
II. Định nghĩa, sơ đồ và ví dụ về cấu trúc câu văn của tiếng Việt đã được chuẩn mực hoá và công thức hoá	64

Chương IV - CÁCH DÙNG CÁC DẤU CÂU 87
I. Mở đầu 87
II. Quy tắc về cách dùng các dấu : dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm phẩy 90

Chương V - PHƯƠNG PHÁP THÁO LẮP CÂU **105**
I. Mở đầu 105
II. Cách tháo lắp đối với các loại câu 107

Kết luận 112
Tóm tắt 116
Résumé 119
Summary 122
Sách tham khảo 124

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

CHUẨN MỰC HOÁ VÀ CÔNG THỨC HOÁ CẤU TRÚC CÂU VĂN

Chịu trách nhiệm xuất bản :
VŨ AN CHƯƠNG
Chịu trách nhiệm bản thảo :
PHẠM NGỌC LUẬT

- Biên tập : BÍCH HẰNG
- Trình bày bìa : TRỌNG HOÀ
- Vi tính : NGỌC BÁCH
- Sửa bản in : THANH CẦM

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm. Tại Nhà in Bộ LĐTB - XH
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 14/XB - QLXB/152 - VHTT
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2001.

HÀ HUY THÁI

CHUẨN MỰC HÓA VÀ CÔNG THỨC HÓA CẤU TRÚC CÂU VĂN

SÁCH PHÁT HÀNH TẠI
TẦNG 2 - SỐ 5 PHỐ ĐINH LỄ
HÀ NỘI
Điện thoại: 8.261652

L.022.7.4

GIÁ: 12.000Đ